

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH LUẬT

HẢI PHÒNG – 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

QUYỀN TỰ DO KINH DOANH THEO
PHÁP LUẬT VIỆT NAM – NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN
VÀ THỰC TIỄN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH LUẬT

Sinh viên : Trần Văn Phú

Giảng viên hướng dẫn: Ts. Lương Thị Kim Dung

HẢI PHÒNG – 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Văn Phú

Mã SV: 1712901012

Lớp : PL2102

Ngành : Luật

Tên đề tài: **Áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản – thực tiễn tại Hải Phòng**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

Luận văn đi vào nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản tại địa bàn thành phố Hải Phòng từ năm 2018 - 2021. Các quy định về áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản quy định trong BLHS 2015 sửa đổi năm 2017. Từ đó đi vào phân tích, đánh giá tổng hợp nhằm chỉ ra các bất cập, tồn tại, nguyên nhân, để từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

1. Quốc Hội (2015), BLHS năm 2015 sửa đổi 2017

2. Trần Văn Độ - Hoàng Mạnh Hùng (2019), Giáo trình Định tội danh và áp dụng hình phạt, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.

3. Chi Cục Dân số kế hoạch hóa gia đình Hải Phòng (2021) “*Báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu dân số-khhgđ năm 2021 thành phố Hải Phòng*”,

4. Tổng cục Thống kê. Lưu trữ bản gốc ngày 10 tháng 1 năm 2021. Truy cập ngày 20 tháng 01 năm 2022.

5. Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng (2018), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án*.

6. Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng (2019), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án*.

7. Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng (20120), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án*.

8. Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng (2021), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án*.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Thực tập tại Trung tâm Kinh Doanh – VNPT Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Lương Thị Kim Dung

Học hàm, học vị : Tiến sĩ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản – thực tiễn tại Hải Phòng

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 13 tháng 12 năm 2021

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 02 tháng 04 năm 2022

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Trần Văn Phú

Ts. Lương Thị Kim Dung

Hải Phòng, ngày tháng năm 2022

XÁC NHẬN CỦA KHOA

LỜI CẢM ƠN.

Trước tiên tôi xin bày tỏ lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc đến TS. Lương Thị Kim Dung đã trực tiếp tận tình hướng dẫn về phương pháp nghiên cứu, nội dung nghiên cứu và cách làm việc khoa học để tôi có thể hoàn thành được Luận văn của mình.

Trong qua trình nghiên cứu hoàn thành Luận văn, tôi đã nhận được sự giúp đỡ quý báu của các cán bộ, giảng viên khoa Luật Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải phòng. Tôi cũng xin cảm ơn sự giúp đỡ của lãnh đạo, cán bộ, Thẩm phán, hội thẩm nhân dân hiện đang công tác tại các cấp Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng đã cung cấp số liệu và đóng góp nhiều ý kiến quý báu, ủng hộ nhiệt tình đề tài nghiên cứu này.

Cuối cùng tôi xin cảm ơn tới gia đình và bạn bè, những người đã động viên, giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học của mình. Xin trân trọng cảm ơn!

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	x
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài.....	2
2.1. Các nhóm công trình nghiên cứu những vấn đề lý luận về áp dụng hình phạt	2
2.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về tội cướp tài sản.....	2
3. Mục đích nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu.....	3
3.1. Mục đích nghiên cứu	3
3.2. Phạm vi nghiên cứu	3
4. Phương pháp nghiên cứu	3
5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn.....	4
5.1. Ý nghĩa lý luận	4
5.2. Ý nghĩa thực tiễn	4
6. Kết cấu của Luận văn	4
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ÁP DỤNG HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI TỘI CƯỚP TÀI SẢN	6
1.1. Khái niệm hình phạt và áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản.....	6
1.1.1. Khái niệm hình phạt	6
1.1.2. Khái niệm áp dụng hình phạt.....	6
1.1.3. Khái niệm tội cướp tài sản.....	6
1.1.4. Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản.....	7
1.2. Định tội danh đối với tội cướp tài sản	8
1.3. Căn cứ quyết định hình phạt đối với tội cướp tài sản	9
1.3.1. Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự	9
1.3.1.1. Căn cứ vào các quy định có tính nguyên tắc về tội phạm và hình phạt trong phần chung Bộ luật hình sự.....	9

1.3.1.2 Căn cứ vào hình phạt đối với tội cướp tài sản quy định tại BLHS năm 2015	9
1.3.2 Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi cướp tài sản.....	10
1.3.3 Căn cứ vào nhân thân người phạm tội cướp tài sản.....	10
1.3.4 Căn cứ vào tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.....	11
1.4. Ý nghĩa của áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản.....	11
1.4.1 Ý nghĩa chính trị - xã hội.....	11
1.4.2 Ý nghĩa pháp lý	12
1.4.3 Ý nghĩa thực tiễn	13
CHƯƠNG 2. CÁC QUY ĐỊNH VỀ ÁP DỤNG HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI TỘI CƯỚP TÀI SẢN THEO BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 2015 - THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI HẢI PHÒNG.....	13
2.1 Các quy định về áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản theo Bộ luật hình sự Việt Nam 2015 (sửa đổi 2017)	13
2.1.1 Quy định hệ thống hình phạt trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015. 13	
2.1.2 Quy định về áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản trong BLHS Việt Nam năm 2015.....	14
2.1.2.1 Quy định của BLHS làm căn cứ để áp dụng hình phạt.....	14
2.1.2.2. Các quy định về tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ làm căn cứ để áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản.	18
2.1.3. Áp dụng đối với tội cướp tài sản trong trường hợp đặc biệt.....	19
2.2. Thực tiễn áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản tại Hải Phòng.....	23
2.2.1.Những kết quả đạt được trong định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội cướp	24
Bảng 1. Thống kê số vụ thụ lý xét xử tội cướp tài sản trong sự so sánh với tổng vụ án tội phạm chung trên địa bàn thành phố Hải Phòng (2018-2021).	24
Bảng 2. Kết quả quyết định hình phạt đối với tội cướp tài sản.	25
2.2.2 Một số hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân.....	27
2.2.2.1.Một số hạn chế, vướng mắc.....	27
2.2.2.2 Nguyên nhân của những vướng mắc, tồn tại trên	30

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI TỘI CƯỚP TÀI SẢN. 31

3.1. Hoàn thiện quy định về áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản.....	31
3.1.1. Hoàn thiện quy định về tội cướp tài sản trong BLHS năm 2015	31
3.1.2. Ban hành các văn bản hướng dẫn để có cách hiểu thống nhất trong áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản	33
3.1.3. Hoàn thiện các quy định về áp dụng hình phạt trong BLHS năm 2015	35
3.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản tại Hải Phòng	41
3.2.1. Nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ kiểm soát, tòa án, tư pháp trên địa bàn.....	41
3.2.2 Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp, xử lý nghiêm minh đối với tội cướp tài sản trên địa bàn.....	42
Kết luận chương 3	45
KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ.....	47
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	49

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Thống kê số vụ thụ lý xét xử tội cướp tài sản trong sự so sánh với tổng vụ án tội phạm chung trên địa bàn thành phố Hải Phòng (2018-2021).	24
Bảng 2. Kết quả quyết định hình phạt đối với tội cướp tài sản.	25

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	VIẾT ĐẦY ĐỦ	VIẾT TẮT
1	Bộ luật hình sự	BLHS
2	Bộ luật tố tụng hình sự	BLTTHS
3	Cơ quan điều tra	CQĐT
4	Cơ quan tiến hành tố tụng	CQTHTT
5	Hệ thống hình phạt	HTHP
6	Hội đồng xét xử	HĐXX
7	Hội thẩm nhân dân	HTND
8	Luật hình sự	LHS
9	Nhà xuất bản	NXB
10	Áp dụng hình phạt	ADHP
11	Tòa án nhân dân	TAND
12	Trách nhiệm hình sự	TNHS
13	Viện kiểm sát	VKS

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong xu thế hội nhập toàn cầu hóa hiện nay, tội phạm có nhiều diễn biến phức tạp; quá trình phát hiện tội phạm, điều tra, truy tố và xét xử khó khăn hơn, càng đòi hỏi phải bảo đảm sự chặt chẽ, xử lý nhanh, kịp thời, đúng pháp luật, nhất là các vụ án trọng điểm, phức tạp. Cướp tài sản là một tội phạm phổ biến, có tính nguy hiểm cao cho xã hội bởi nó không chỉ xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu mà còn xâm phạm đến khách thể là quyền nhân thân – một khách thể quan trọng được Luật hình sự bảo vệ. Do đó, việc áp dụng pháp luật để xét xử các vụ án cướp tài sản trên phạm vi toàn quốc nói chung và đối với thành phố Hải Phòng nói riêng có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong đấu tranh phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, hoạt động xét xử của Tòa án đối với tội cướp tài sản vẫn còn nhiều sai sót dẫn đến xảy ra tình trạng một vụ án phải qua nhiều cấp xét xử và xét xử nhiều lần, tồn tại những trường hợp bị kết án oan; xác định không đúng tội danh; ADHP không tương xứng với hành vi phạm tội... gây nên bức xúc, dư luận xấu trong xã hội, làm giảm uy tín của các cơ quan tố tụng, giảm sút niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội.

Thực tiễn ADHP trong những năm gần đây cũng thể hiện những bất cập, hạn chế trong các quy định của pháp luật hình sự nước ta về tội cướp tài sản, làm ảnh hưởng đến hiệu quả của hình phạt. Pháp luật hình sự của nước ta vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện, một số quy định về hình phạt, về tội cướp tài sản và việc ADHP còn mang tính khái quát cao, chưa thực sự chặt chẽ. Trong nhiều trường hợp cụ thể, Tòa án áp dụng các quy định của pháp luật hình sự để QĐHP thiếu chính xác, quá nhẹ hoặc quá nặng đối với bị cáo. Như vậy, trong những trường hợp này đã tạo ra hệ quả là hình phạt mà Tòa án đã tuyên, bị cáo thấy không “tâm phục, khẩu phục”, thiếu tính công bằng, không bảo đảm được quyền, lợi ích của họ. Từ đó, gây nên ảnh hưởng xấu trong đời sống xã hội, tạo ra sự thiếu tin tưởng của Nhân dân vào pháp luật của Nhà nước, vào sự công minh khi ADHP của Tòa án. Trong quá trình tiến hành cải cách tư pháp hiện nay, với tính chất, mục đích của hình phạt; chức năng, nhiệm vụ của Tòa án, đòi hỏi Tòa án phải luôn

bảo đảm sự công minh, chính trực, trong xét xử phải độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Khi ADHP, Tòa án phải cân nhắc kỹ tất cả các yếu tố tác động, ảnh hưởng và ý nghĩa của hình phạt, bảo đảm hình phạt được tuyên phát huy được hiệu quả, tác dụng cao nhất đối với người phạm tội và xã hội

Với những lý do trên, việc lựa chọn nghiên cứu Đề tài “***Áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản theo luật hình sự Việt Nam - thực tiễn tại Hải Phòng***” là thực sự cấp thiết, đáp ứng yêu cầu cấp bách trong tiến trình cải cách tư pháp của nước ta hiện nay; góp phần khắc phục hạn chế, sai sót và giải quyết những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình ADHP của Tòa án nói chung và tại địa bàn thành phố Hải Phòng nói riêng.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

2.1. Các nhóm công trình nghiên cứu những vấn đề lý luận về áp dụng hình phạt

Có nhiều công trình tiêu biểu có thể kể đến như sách “*Định tội danh và QĐHP*” của tác giả Dương Tuyết Miên do Nxb Lao động – Xã hội xuất bản 2007, sách “*Định tội danh và QĐHP trong Luật hình sự Việt Nam*” của TS. Lê Văn Đệ do Nxb. Công an nhân dân xuất bản năm 2010, giáo trình “*Định tội danh và áp dụng hình phạt*” của PGS. TS Trần Văn Độ, Học viện Tòa án, NXB Công an nhân dân năm 2019, bài viết “*Vướng mắc từ thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án*” của Lê Xuân Sinh, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 23/2007; Dương Đức Tùng (2016) “*Quyết định hình phạt và tổng hợp hình phạt theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn quân khu 1*”. Luận văn thạc sĩ, Viện Khoa học xã hội, Phạm Thị Thanh Hoan (2015) “*Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội theo Luật Hình sự Việt Nam*”, Luận văn thạc sĩ, Đại học quốc gia, Khoa Luật.

2.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về tội cướp tài sản

Đã có nhiều công trình nghiên cứu có thể kể đến như Bài báo “*Một số kiến nghị hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về tội cướp tài sản*”, của Trần Đình Hải, Tạp chí Kiểm sát số 3/2015, bài “*Tội cướp tài sản trong Bộ luật Hình sự và một số giải pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm*” của Trần

Thị Lịch , Tạp chí Nghề Luật số 1/2016, bài “*Một số đặc điểm nhân thân của người phạm tội cướp tài sản trên địa bàn các tỉnh và các thành phố phía Nam*” của Nguyễn Trung Hòa ,Tạp chí Khoa học Kiểm sát số 5/2018 và bài “*Một số vấn đề đặt ra trong công tác phòng ngừa tình hình tội cướp tài sản hiện nay trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*” của Nguyễn Văn Khoa Điềm, Tạp chí Khoa học Kiểm sát số 4/2018 hay luận văn thạc sĩ luật học điển hình có thể kể đến: Nguyễn Thị Tuyết Thanh (2020), *Tội cướp tài sản trong Luật Hình sự từ thực tiễn tại Thành phố Hồ Chí Minh*, Viện hàn lâm khoa học; Võ Thành Phước (2020) , “*Áp dụng luật hình sự đối với tội cướp từ thực tiễn tỉnh Bình Phước*”, Viện hàn lâm khoa học; Trần Thanh Hải, (2020) “*Tội cướp tài sản từ thực tiễn tỉnh Đồng Nai*” , Viện hàn lâm khoa học.

Mặc dù có nhiều công trình nghiên cứu và tác giả có thể kế thừa được những vấn đề lý luận về áp dụng hình phạt nhưng chưa có một công trình nào nghiên cứu về áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản có liên hệ thực tiễn tại thành phố Hải Phòng.

3. Mục đích nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận và những của quy định của pháp luật về áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản cùng với sự tổng kết thực tiễn tại địa bàn thành phố Hải phòng, luận văn đã đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự cũng như nâng cao hiệu quả áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của luận văn được giới hạn ở những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản tại địa bàn Thành phố Hải Phòng (từ năm 2018-2021). Các quy định về áp dụng hình phạt và Tội cướp tài sản được quy định trong BLHS năm 2015 (sửa đổi năm 2017)

4. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách hình sự, về cải

cách tư pháp và phòng chống tội phạm, để thực hiện Luận văn, trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả đã sử dụng các phương pháp cụ thể như: phương pháp phân tích và tổng hợp; phương pháp so sánh và đối chiếu; phương pháp thống kê, nghiên cứu các văn bản pháp luật cũng như số liệu thống kê trong các báo cáo của tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng và khảo sát thực tiễn các vụ án cướp tài sản điển hình để giải quyết các nhiệm vụ đặt ra của luận văn.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

5.1. Ý nghĩa lý luận

Luận văn đã làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về ADHP đối với tội cướp tài sản, nghiên cứu, bình luận các quy định của pháp luật hiện hành về ADHP đối với tội cướp tài sản. Trên cơ sở đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng ADHP đối với tội cướp tài sản tại địa bàn Thành phố Hải Phòng, chỉ ra các bất cập, tồn tại, nguyên nhân đề từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện

5.2. Ý nghĩa thực tiễn

Về ý nghĩa thực tiễn, kết quả nghiên cứu của Luận văn có thể làm tài liệu cho các nhà lập pháp cân nhắc, xem xét để sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy định của pháp luật về hình phạt đối với tội cướp tài sản. Đây cũng là tài liệu tham khảo cho cơ quan tòa án trong quá trình xét xử và ADHP đối với tội cướp tài sản, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, xét xử vụ án đảm bảo tính khách quan đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đồng thời bảo vệ quyền của công dân, cũng như phòng, chống oan, sai, vi phạm pháp luật trong giải quyết vụ án hình sự. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu của Luận văn còn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho cán bộ nghiên cứu giảng dạy, học viên, sinh viên các cơ sở đào tạo luật quan tâm đến lĩnh vực này.

6. Kết cấu của Luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn có kết cấu 3 chương gồm:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản.

Chương 2: Các quy định về áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản theo

Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 2015 - thực tiễn áp dụng tại Hải Phòng.

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự và nâng cao hiệu quả áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản.

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ÁP DỤNG HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI TỘI CƯỚP TÀI SẢN

1.1. Khái niệm hình phạt và áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản

1.1.1. Khái niệm hình phạt

Hiện nay, khái niệm hình phạt được ghi nhận tại Điều 30 BLHS năm 2015 theo đó, hình phạt: “là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong BLHS do Tòa án quyết định áp dụng đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người, pháp nhân thương mại đó” [1]

1.1.2. Khái niệm áp dụng hình phạt

Chỉ trong thời gian gần đây, khái niệm ADHP như là một giai đoạn ADPL hình sự mới được các nhà nghiên cứu pháp luật hình sự đưa ra (điển hình như “Định tội danh và áp dụng hình phạt” của tác giả Trần Văn Độ; “Áp dụng hình phạt tù có thời hạn theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Ninh” của tác giả Nguyễn Thành Chung; “Áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội từ thực tiễn tỉnh Hải Dương” của tác giả Hồ Ngọc Linh; “Áp dụng hình phạt theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Long An” của tác giả Nguyễn Thanh Liêm...). Theo tác giả, khái niệm do PGS. TS. Trần Văn Độ đưa ra là khá chính xác, đầy đủ và chúng tôi chia sẻ quan điểm này:

Áp dụng hình phạt là một giai đoạn, một nội dung của áp dụng pháp luật hình sự thể hiện ở việc trên cơ sở của việc định tội, xác định các tình tiết của vụ án làm căn cứ quyết định hình phạt do luật định, Tòa án lựa chọn biện pháp trách nhiệm hình sự, loại và mức hình phạt cụ thể được quy định trong chế tài quy phạm pháp luật hình sự quy định về tội phạm đã được xác định theo một thủ tục nhất định, để áp dụng đối với người phạm tội thể hiện trong bản án kết tội [2]

1.1.3. Khái niệm tội cướp tài sản

Theo quy định tại Điều 168 của BLHS năm 2015 và qua nghiên cứu các giáo trình, tài liệu về tội cướp tài sản: “Tội cướp tài sản là hành vi nguy hiểm cho

xã hội được thực hiện bằng cách dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản”. [1]

1.1.4 Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản

1.1.4.1 Khái niệm áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản

ADHP đối với tội cướp tài sản là:

Áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản là một giai đoạn, một nội dung của áp dụng pháp luật hình sự thể hiện ở việc trên cơ sở của việc định tội cướp tài sản, xác định các tình tiết của vụ án làm căn cứ quyết định hình phạt đối với tội cướp tài sản, Tòa án lựa chọn biện pháp trách nhiệm hình sự, loại và mức hình phạt cụ thể được quy định trong chế tài quy phạm pháp luật hình sự quy định tại điều 168 BLHS năm 2015 về tội cướp tài sản, để áp dụng đối với người phạm tội cướp tài sản thể hiện trong bản án kết tội. [1]

1.1.4.2 Đặc điểm áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản

**Đặc điểm về chủ thể và đối tượng của áp dụng hình phạt*

Sau khi thực hiện việc định tội cướp tài sản (định tội danh và định khung hình phạt), Tòa án thực hiện hoạt động ADHP. Đồng thời, xuất phát từ nguyên tắc suy đoán vô tội, người bị buộc tội được coi là không có tội nếu chưa có bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật được chứng minh theo trình tự, thủ tục luật định, có thể thấy hình phạt chỉ được áp dụng đối với người bị kết tội cướp tài sản. Hay nói cách khác, đối tượng của ADHP là người bị kết tội cướp tài sản ngay trong bản án kết tội của Tòa án.

** Đặc điểm về tính lựa chọn và tùy nghi*

Trong quy định của BLHS, mỗi loại tội phạm cũng được quy định khác nhau, đa dạng, phong phú về loại hình phạt và mức hình phạt. Chính vì sự đa dạng trong quy định của BLHS và thực tiễn nên trách nhiệm hình sự và ADHP cũng có sự khác nhau. Như vậy, trong các chế tài quy phạm pháp luật quy định mang tính đa dạng, mềm dẻo về tính chất cũng như mức độ cưỡng chế tạo ra sự lựa chọn và tùy nghi của Tòa án khi cá thể hóa việc ADHP trong các trường hợp phạm tội cụ thể nhằm đạt được mục đích của hình phạt.

** Đặc điểm về tính khoa học, sáng tạo trong áp dụng hình phạt*

Trên cơ sở các quy định mang tính tùy nghi và lựa chọn cao của chế tài các quy phạm pháp luật, thực tiễn yêu cầu Thẩm phán, Hội thẩm phải có trang bị kiến thức và nhận thức pháp luật thực sự tốt, giàu kinh nghiệm nghề nghiệp, kỹ năng xét xử, kinh nghiệm xã hội và phải có bản lĩnh, đạo đức tốt để luôn bảo đảm được tính độc lập khi ADHP, đưa ra phán quyết chính xác, công bằng nhằm bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức và cá nhân mà không bị ảnh hưởng, chi phối bởi sự ích kỷ, lợi ích cá nhân, không lợi dụng khả năng tùy nghi, lựa chọn cao, đa dạng, phong phú của chế tài các quy phạm pháp luật mà QĐHP một cách tùy tiện, cứng nhắc hay giáo điều.

** Đặc điểm về trình tự, thủ tục áp dụng hình phạt*

ADHP đối với tội cướp tài sản là một giai đoạn của quá trình ADPL hình sự được thực hiện sau khi định tội. Nghĩa là, sau khi Tòa án xác định rõ hành vi cướp tài sản, được quy định tại điều 168 BLHS thì khi ấy Tòa án mới tiến hành giai đoạn ADHP. ADHP được tiến hành sau khi kết thúc việc định tội cướp tài sản và việc định tội đã có kết quả kết tội. Sau khi đã có kết quả kết tội cướp tài sản quy định tại điều 168 BLHS thì Thẩm phán, Hội thẩm sử dụng chế tài hình để ADHP đối với tội cướp tài sản.

1.1.4.3 Nguyên tắc áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản

Như vậy, có thể thấy ADHP đối với tội cướp tài sản là một giai đoạn, một nội dung của áp dụng pháp luật hình sự, ADHP đối với tội cướp tài sản có những nguyên tắc sau nổi bật sau:

- Nguyên tắc nhân đạo trong áp dụng hình phạt.
- Nguyên tắc cá thể hóa hình phạt trong áp dụng hình phạt.
- Nguyên tắc công bằng trong áp dụng hình phạt.
- Nguyên tắc bảo đảm tính quyết định xã hội trong áp dụng hình phạt.
- Nguyên tắc độc lập, vô tư, khách quan, toàn diện trong ADHP

1.2 Định tội danh đối với tội cướp tài sản

Định tội danh là hoạt động nhận thức, áp dụng pháp luật hình sự được thực hiện trên cơ sở xác định đầy đủ, chính xác, khách quan các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội theo đúng nội dung quy phạm pháp luật hình sự quy định cấu thành tội phạm tương ứng và xác định sự phù hợp giữa các dấu hiệu của cấu thành tội phạm nhất định với các tình tiết của hành vi phạm tội bằng các phương pháp và thông qua các giai đoạn nhất định.

BLHS Việt Nam không quy định cụ thể chính thức các nguyên tắc ADHP đối với tội cướp tài sản, nhưng các nguyên tắc ADHP được thể hiện thông qua nội dung các quy phạm pháp luật hình sự, *nguyên tắc áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản là những tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt xác định và định hướng cho Tòa án áp dụng chế tài hình sự đối với người, pháp nhân thương mại phạm tội.*

1.3 Căn cứ quyết định hình phạt đối với tội cướp tài sản

1.3.1 Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự

1.3.1.1 Căn cứ vào các quy định có tính nguyên tắc về tội phạm và hình phạt trong phần chung Bộ luật hình sự

Khi QĐHP đối với tội cướp tài sản, HĐXX cần căn cứ vào tất cả các quy định trong phần chung BLHS để xác định những vấn đề có liên quan, cụ thể:

- 1) Hành vi của bị cáo là tội phạm, tức là có đầy đủ yếu tố của CTTP cướp tài sản được LHS quy định;
- 2) Hành vi cướp tài sản mà bị cáo đã thực hiện không thuộc trường hợp loại trừ TNHS, sự kiện bất ngờ, tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội;
- 3) Tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, mức độ thực hiện ý định phạm tội, những tình tiết khiến cho tội phạm không được thực hiện đến cùng;
- 4) Tính chất và mức độ tham gia của những người trong đồng phạm (nếu có);
- 5) Các quy định đối với người chưa thành niên phạm tội ...

1.3.1.2 Căn cứ vào hình phạt đối với tội cướp tài sản quy định tại BLHS năm 2015

Khi QĐHP, trên cơ sở xem xét, cân nhắc tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ

TNHS...mà HĐXX sẽ lựa chọn loại hình phạt và quyết định mức hình phạt cụ thể trong phạm vi khung hình phạt được quy định tại Điều 168 về tội cướp tài sản.

1.3.2 Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi cướp tài sản

Đây là căn cứ quan trọng nhất để thực hiện nguyên tắc cá thể hoá hình phạt, đồng thời cũng là tiền đề để quyết định một hình phạt đúng đắn, đảm bảo tương xứng giữa tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và hình phạt

Mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cướp tài sản là yếu tố định lượng của tội phạm, giúp phân biệt mức độ nguy hiểm cụ thể của tội cướp tài sản với các tội phạm khác trong nhóm tội xâm phạm sở hữu hoặc trong cùng một tội cướp tài sản nhưng trong những điều kiện khác nhau. Mức độ nguy hiểm được xác định bởi: (1) Hậu quả của tội phạm (xảy ra chưa? mức độ nào?); (2) Mức độ lỗi (3) Mối quan hệ giữa nguyên nhân và hậu quả phạm tội (4) Mức độ phạm tội (chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt hay tội phạm hoàn thành?)...

1.3.3 Căn cứ vào nhân thân người phạm tội cướp tài sản

Để có đầy đủ cơ sở cho việc QĐHP đúng đắn và có hiệu quả đối với tội cướp tài sản, HĐXX phải cân nhắc nhân thân người phạm tội

Khi xem xét nhân thân người phạm tội với ý nghĩa là một căn cứ để QĐHP, Toà án phải xem xét cả mặt tốt, mặt xấu, đồng thời phải đánh giá được khả năng phát triển nhân cách của họ, khả năng cải tạo cũng như các vấn đề ảnh hưởng đến quá trình cải tạo họ trở thành người có ích cho xã hội. Trong bản án phải phản ánh được nội dung các yếu tố về nhân thân của người phạm tội ngoài những trường hợp mà BLHS đã quy định mà Toà án làm căn cứ QĐHP. Các cơ quan điều tra, truy tố và xét xử muốn giải quyết được đúng đắn các vụ án cướp tài sản đều đòi hỏi phải nghiên cứu đầy đủ vấn đề nhân thân người phạm tội để làm sáng rõ một số tình tiết và các yếu tố cấu thành tội phạm cướp tài sản như lỗi, mục đích, động cơ của người phạm tội. Chính mối quan hệ giữa nhân thân người phạm tội với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi người phạm tội, nên Điều 45 của BLHS đã coi nhân thân người phạm tội là một trong những căn cứ QĐHP. Ngoài ra, Điều 46 và Điều 48 của BLHS cũng coi “*những tình tiết thuộc về nhân thân của người phạm tội là những tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng TNHS*”. Trong quá trình

QĐHP, khi nghiên cứu, đánh giá những đặc điểm, đặc tính thuộc về nhân thân người phạm tội, Tòa án cần quan tâm ở hai khía cạnh:

- Thứ nhất là: các đặc điểm pháp lý hình sự của nhân thân người phạm tội cướp tài sản.

- Thứ hai là: nhóm đặc điểm về mặt xã hội - nhân khẩu.

- Thứ ba là: nhóm các đặc điểm tâm lý – đạo đức của nhân thân.

1.3.4 Căn cứ vào tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Khi ADHP đối với tội cướp tài sản, Tòa án không chỉ căn cứ vào cấu thành tội phạm, mức độ nguy hiểm của hành vi, nhân thân người phạm tội mà còn căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS.

– *Các tình tiết giảm nhẹ TNHS*: là những biểu hiện tích cực cho đời sống xã hội của người phạm tội hoặc vì ngoại cảnh tác động mà thực hiện hành vi phạm tội. Đặc điểm các tình tiết giảm nhẹ TNHS không quy định trùng lặp trong tình tiết định tội, định khung.

– *Các tình tiết tăng nặng TNHS*: là các tình tiết làm tăng mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, là căn cứ để tăng nặng TNHS của người phạm tội (trong phạm vi một khung hình phạt) so với các trường hợp phạm tội tương tự khác nhưng không có tình tiết tăng nặng đó. Trong số các tình tiết tăng nặng TNHS, có tình tiết được quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt trong các điều luật.

1.4. Ý nghĩa của áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản

1.4.1 Ý nghĩa chính trị - xã hội

ADHP đúng là cơ sở để nâng cao hiệu quả của hình phạt. Hiệu quả của hình phạt phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố khác nhau như yếu tố xây dựng pháp luật hình sự trong đó có HTHP, hoạt động ADHP và chấp hành hình phạt, công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật cho công dân. Trong các yếu tố này thì ADHP là yếu tố đặc biệt quan trọng để bảo đảm và nâng cao hiệu quả của hình phạt. ADHP đúng có ý nghĩa rất quan trọng trong xây dựng hệ thống pháp luật hình sự; đồng thời, mục đích của hình phạt cũng sẽ đạt được thông qua việc chấp hành hình phạt đó. Trong trường hợp Tòa án ADHP không đúng thì việc chấp hành hình

phạt của người bị kết án sẽ không đạt 63 được mục đích của hình phạt. Nếu muốn truyền truyền, giáo dục ý thức pháp luật cho công dân đạt được hiệu quả để mọi công dân tự giác tuân thủ pháp luật, tự giác chấp hành hình phạt thì việc ADHP của Tòa án phải đúng, nếu không thì sẽ không thể phát huy được tác dụng của hình phạt. Người bị kết án sẽ không thấy được tính đúng đắn của bản án mà Tòa án đã tuyên đối với họ nếu hình phạt được áp dụng không đúng, không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; đồng thời người bị kết án sẽ không thực sự tích cực lao động, cải tạo để trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và cộng đồng xã hội. Tòa án ADHP không đúng sẽ tạo ra một dư luận xã hội không tốt, ảnh hưởng niềm tin của Nhân dân đối với pháp luật, với Đảng, với Nhà nước, không khuyến khích, động viên được Nhân dân tích cực tham gia vào công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Do vậy, ADHP đúng của Tòa án sẽ nhận được sự đồng tình ủng hộ của dư luận xã hội, từ đó sẽ tạo ra sự đồng thuận xã hội trong đánh giá tội phạm và đánh giá chính sách hình sự của Nhà nước ta. ADHP đúng là thể hiện quan trọng trong việc bảo vệ công lý, lẽ phải, bảo vệ quyền con người, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân trong lĩnh vực hình sự, góp phần bảo vệ công bằng xã hội, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và trật tự, kỷ cương xã hội được bảo đảm. Đồng thời, ADHP đúng sẽ làm tăng uy tín trong thực hiện quyền tư pháp của Tòa án nói riêng và các cơ quan tư pháp nói chung, củng cố uy tín và nâng cao niềm tin của Nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. ADHP đúng là cơ sở để nâng cao hiệu quả và mục đích của hình phạt nhất là mục đích giáo dục, cải tạo người phạm tội, ngăn ngừa họ tái phạm tội, cảnh báo răn đe những người khác không phạm tội. Vì vậy, ADHP đúng có ý nghĩa chính trị - xã hội rất cao.

1.4.2 Ý nghĩa pháp lý

ADHP đúng là cơ sở pháp lý đầu tiên để đạt được mục đích của hình phạt, có ý nghĩa pháp lý quan trọng trong công tác thi hành án hình sự. Hiệu quả của hình phạt đạt được như thế nào, ở mức độ cao hay thấp và mục đích 64 của hình phạt có đạt được hay không phụ thuộc vào việc ADHP của Tòa án đối với

người phạm tội như thế nào, có đúng hay không. ADHP đúng là cơ sở pháp lý đầu tiên thể hiện sự đúng đắn, hợp lý của văn bản pháp luật hình sự tồn tại trên thực tiễn. Thông qua hoạt động ADHP, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và những nhà làm luật có thể phát hiện ra được những vấn đề, những nội dung còn hạn chế, bất cập, vướng mắc của các quy phạm pháp luật hình sự. Từ đó nghiên cứu, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện BLHS, có những biện pháp bảo đảm để áp dụng thống nhất trong thực tiễn. Cơ sở thực tiễn để kiểm nghiệm các quy định của pháp luật tố tụng hình sự liên quan đến ADHP chính là hoạt động ADHP nhằm tổng kết, rút kinh nghiệm và hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự.

1.4.3 Ý nghĩa thực tiễn

ADHP đúng không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn nhằm giáo dục họ trở thành công dân tốt, sống có ích, có ý thức tuân theo pháp luật, tuân theo các quy tắc của cuộc sống và ngăn ngừa họ phạm tội mới, đạt được tính hiệu quả trong quá trình thi hành án. Bên cạnh đó, ADHP cũng nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm

CHƯƠNG 2. CÁC QUY ĐỊNH VỀ ÁP DỤNG HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI TỘI CƯỚP TÀI SẢN THEO BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 2015 - THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI HẢI PHÒNG

2.1 Các quy định về áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản theo Bộ luật hình sự Việt Nam 2015 (sửa đổi năm 2017)

2.1.1 Quy định hệ thống hình phạt trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015 (sửa đổi năm 2017)

Cơ sở pháp lý đầu tiên của ADHP là các quy định của BLHS về HTHP, bao gồm các hình phạt được quy định và điều kiện áp dụng từng loại hình phạt đó. Hình phạt được quy định trong BLHS và do Tòa án quyết định. HTHP là một chính thể bao gồm các hình phạt chính và các hình phạt bổ sung được Nhà nước quy định trong BLHS và được sắp xếp theo trình tự và có cơ cấu nhất định, liên

kết với nhau, tương ứng với tính chất, mức độ từng loại tội phạm. Có thể coi HTHP là những biện pháp phản ứng của Nhà nước đối với những hành vi phạm tội. Cơ sở pháp lý đầu tiên của ADHP là các quy định của BLHS về HTHP, bao gồm các hình phạt được quy định và điều kiện áp dụng từng loại hình phạt đó. HTHP có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Khi ADHP Tòa án phải tuân thủ các điều kiện, phạm vi, giới hạn áp dụng của từng loại hình phạt mà BLHS quy định. HTHP quy định không chỉ đối với thể nhân và pháp nhân thương mại phạm tội nói chung, mà đặc biệt là quy định riêng đối với người phạm tội dưới 18 tuổi, đường lối xử lý đối với từng loại tội phạm và đối tượng phạm tội.

Đối với thể nhân phạm tội, Điều 32 BLHS quy định có 7 loại hình phạt chính được sắp xếp theo trật tự từ hình phạt nhẹ đến hình phạt nặng và 7 loại hình phạt bổ sung. 7 loại hình phạt chính gồm: Cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình. 7 loại hình phạt bổ sung gồm: Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; cấm cư trú; quản chế; tước một số quyền công dân; tịch thu tài sản; phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính; trục xuất, khi không áp dụng là hình phạt chính. Đối với pháp nhân thương mại phạm tội, Điều 33 BLHS quy định có 3 loại hình phạt chính được sắp xếp theo trật tự từ hình 78 phạt nhẹ đến hình phạt nặng và 3 loại hình phạt bổ sung. Ba loại hình phạt chính gồm: Phạt tiền; đình chỉ hoạt động có thời hạn; đình chỉ hoạt động vĩnh viễn (tử hình). Ba loại hình phạt bổ sung gồm: Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định; cấm huy động vốn; phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính. Mỗi loại hình phạt đều được quy định điều kiện áp dụng, thời hạn áp dụng và Tòa án có trách nhiệm lựa chọn theo điều kiện và trong phạm vi quy định đó.

2.1.2 Quy định về áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản trong BLHS Việt Nam năm 2015 (sửa đổi năm 2017)

2.1.2.1 Quy định của BLHS làm căn cứ để áp dụng hình phạt

Theo quy định hiện hành, về mặt cấu trúc, tội cướp tài sản được chia thành 5 khoản với hình phạt chính là phạt tù có thời hạn, tù chung thân và hình phạt phụ bổ sung là phạt tiền, quản, chế, cấm đi khỏi nơi cư trú hoặc tịch thu tài sản. Khi QĐHP đối với tội cướp tài sản, HĐXX căn cứ vào tính chất nguy hiểm cho xã hội

của hành vi, căn cứ vào tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân người phạm tội để quyết định mức hình phạt cho người phạm tội trong phạm vi khung hình phạt đã xác định trước đó. Năm khung hình phạt của tội cướp tài sản gồm:

– Quy định phạt tù từ 03 năm đến 10 năm đối với người phạm tội không có tình tiết tăng nặng định khung hình phạt.

– Quy định hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm áp dụng đối với người phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Phạm tội có tổ chức. Phạm tội có tổ chức là trường hợp có từ hai người trở lên cố ý cùng tham gia phạm tội cướp tài sản và có sự thống nhất với nhau về ý chí, có sự cấu kết chặt chẽ với nhau trong quá trình phạm tội. Trong đó có một hoặc một số người thực hành; và có thể có người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức.

+ Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, thì phạm tội cướp tài sản có tính chất chuyên nghiệp là: có từ năm lần trở lên phạm tội cướp tài sản (có thể là phạm tội nhiều lần; đã bị kết án về tội cướp tài sản, chưa được xóa án tích mà còn phạm tội cướp tài sản; hoặc cả phạm tội nhiều lần và đã bị kết án về tội cướp tài sản, chưa được xóa án tích mà còn phạm tội cướp tài sản.), trong đó có lần đã bị xét xử nhưng chưa được xóa án tích, hoặc chưa lần nào bị xét xử và chưa lần phạm tội nào hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; và người phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính.

+ Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% là trường hợp khi thực hiện hành vi phạm tội cướp, người phạm tội đã tấn công người bị hại hoặc người khác để chiếm đoạt tài sản hoặc để tẩu thoát và đã gây cho họ thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe với tỷ lệ thương tật nêu trên. Người bị gây thương tích có thể là người bị cướp tài sản hoặc người khác như người bắt cướp, người bị bắt làm con tin khi tháo chạy... Các tình tiết “gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% (từ 31% đến 60%; từ 61% trở lên)” đều là những tình tiết định khung hình phạt của tội cướp tài sản đã từng được quy định trong BLHS năm 2009. Theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp về một số quy định tại Chương “các tội xâm phạm sở hữu” BLHS năm 1999, thì “gây hậu quả nghiêm trọng, gây hậu quả rất nghiêm trọng và thiệt hại phi vật chất. Trong đó, thiệt hại về sức khỏe không bao gồm thiệt hại quy định tại điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều 168 BLHS năm 2015. Do vậy, có thể hiểu thương tích do hành vi phạm tội gây ra trong các trường hợp quy định tại điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều 168 BLHS năm 2015 là những hậu quả trực tiếp do hành vi phạm tội gây ra.

+ Sử dụng vũ khí (là sử dụng một trong những loại vũ khí được quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 để thực hiện hành vi cướp tài sản, bao gồm: vũ khí quân dụng; súng săn; vũ khí thô sơ; vũ khí thể thao và các loại vũ khí khác có tính năng, tác dụng tương tự), phương tiện nguy hiểm (là sử dụng công cụ, dụng cụ được chế tạo ra nhằm phục vụ cho cuộc sống của con người (trong sản xuất, trong sinh hoạt);

vật mà người phạm tội chế tạo ra nhằm làm phương tiện thực hiện tội phạm hoặc vật có sẵn trong tự nhiên mà người phạm tội có được và nếu sử dụng công cụ, dụng cụ hoặc vật đó tấn công người khác thì sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng hoặc sức khỏe của người bị tấn công) hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác (quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS là ngoài các trường hợp sử dụng vũ khí, phương tiện nguy hiểm để thực hiện tội cướp tài sản, người phạm tội có thể dùng thủ đoạn khác nguy hiểm đối với người bị tấn công hoặc những người khác như sử dụng thuốc ngủ, thuốc mê với liều lượng có thể nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe; dùng dây chằng qua đường để làm cho nạn nhân đi mô tô, xe máy vấp ngã để cướp tài sản...)

+ Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai triệu đồng là trường hợp cướp tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai triệu đồng. Việc xác định giá trị tài sản đối với tội cướp tài sản cần chú ý một số điểm sau đây:

Giá trị tài sản bị cướp được xác định theo giá trị thị trường của tài sản đó tại địa phương vào thời điểm tài sản bị cướp. Trong trường hợp có đầy đủ căn cứ chứng minh rằng người có hành vi cướp có ý định xâm phạm đến tài sản có giá trị cụ thể theo ý thức chủ quản của họ, thì lấy giá trị tài sản đó để xem xét việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi xâm phạm.

Trong trường hợp có đầy đủ căn cứ chứng minh rằng người có hành vi cướp tài sản có ý định xâm phạm đến tài sản, nhưng không quan tâm đến giá trị tài sản bị xâm phạm (giá trị bao nhiêu cũng được), thì lấy giá thị trường của tài sản bị cướp tại địa phương vào thời điểm tài sản bị xâm phạm để xem xét việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi cướp.

+ Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi (là người chưa đủ 16 tuổi. Việc xác định tuổi của người bị hại là người chưa thành niên do cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện theo quy định của pháp luật), phụ nữ mà biết là có thai (được xác định bằng các chứng cứ chứng minh là người phụ nữ đó đang mang thai, như: bị cáo và mọi người đều nhìn thấy được hoặc bị cáo nghe được, biết được từ các nguồn thông tin khác nhau về người phụ nữ đó đang mang thai), người già yếu (theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao thì người già yếu là người từ 70 tuổi trở lên hoặc người từ đủ 60 tuổi nhưng thường xuyên đau ốm) hoặc người không có khả năng tự vệ (là người đang trong thể trạng yếu đuối, bất lực về thể chất hoặc tinh thần, người bị bệnh tật, người đang say ngủ, người đang ở trong tình trạng không thể chống đỡ hoặc không thể tự bảo vệ mình được...). Đây là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt đối với người phạm tội cướp tài sản của những người bị hại do độ tuổi, mang thai hoặc già yếu, bệnh tật mà không có khả năng tự vệ hoặc tuy có nhưng khả năng tự vệ không cao.

+ Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội là gây ra những tác động xấu đến tình hình an ninh, tác động tiêu cực đến trật tự, an toàn xã hội. Khi áp dụng tình tiết này phải căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để đánh giá mức độ ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

+ Tái phạm nguy hiểm.

– Quy định hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm đối với người phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau: Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200 triệu đồng

đến dưới 500 triệu đồng; Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh. Trong đó: Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh là trường hợp người phạm tội lợi dụng vào hoàn cảnh thiên tai, dịch bệnh để thực hiện hành vi phạm tội cướp tài sản. Tình tiết này được áp dụng không phụ thuộc vào phạm vi, mức độ của thiên tai, dịch bệnh hoặc tính chất, mức độ của những khó khăn khác của xã hội trong tình trạng thiên tai, dịch bệnh.

– Quy định hình phạt tù từ 18 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân áp dụng đối với người phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau: Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên; Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 31% trở lên; Làm chết người; Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp. Trong đó:

+ Làm chết người là trường hợp khi thực hiện hành vi phạm tội cướp, người phạm tội đã tấn công người bị hại hoặc người khác để chiếm đoạt tài sản hoặc để tẩu thoát và đã gây cái chết cho họ. Theo chúng tôi, thì lỗi trong trường hợp này là lỗi vô ý lỗi lẽ, nếu cố ý gây ra cái chết cho người bị hại trong khi thực hiện hành vi cướp tài sản và tội giết người.

+ Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp. Đây là những tình tiết mới được quy định ở tội cướp tài sản. Trong đó, tình trạng chiến tranh là trạng thái xã hội đặc biệt của đất nước được tuyên bố trong thời gian từ khi nước nhà bị xâm lược cho tới khi hành động xâm lược đó được chấm dứt trên thực tế. Tình trạng khẩn cấp về quốc phòng là trạng thái xã hội của đất nước khi có nguy cơ trực tiếp bị xâm lược hoặc đã xảy ra hành động vũ trang xâm lược hoặc bạo loạn nhưng chưa đến mức tuyên bố tình trạng chiến tranh. Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp để phạm tội cướp tài sản trường hợp người phạm tội dựa vào các hoàn cảnh nêu trên để thực hiện tội phạm. Mức độ nguy hiểm của hành vi cướp tài sản trong trường hợp này phụ thuộc vào tính chất của hoàn cảnh chiến tranh; tính chất, mức độ của tình trạng khẩn cấp.

– Về trách nhiệm hình sự của hành vi chuẩn bị phạm tội cướp tài sản, thì tại khoản 5 Điều 168 BLHS quy định người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 BLHS, thì chuẩn bị phạm tội cướp tài sản là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm hoặc thành lập, tham gia nhóm tội phạm.

– Hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 6 Điều 168 BLHS là người phạm tội cướp còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Như vậy, so với quy định tại Điều 133 BLHS năm 2009, thì quy định tại Điều 168 BLHS năm 2015 có một số điểm mới sau:

– Bỏ tình tiết định khung hình phạt “Gây hậu quả nghiêm trọng” và bổ sung các tình tiết sau đây làm tình tiết định khung hình phạt tại khoản 2: phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có tahi, người già yếu hoặc

người không có khả năng tự vệ; Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

– Bỏ tình tiết định khung hình phạt “Gây hậu quả rất nghiêm trọng” và bổ sung tình tiết “Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh” làm tình tiết định khung hình phạt tại khoản 3.

– Bỏ tình tiết định khung hình phạt “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” và bổ sung tình tiết “Gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% trở lên; Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh” làm tình tiết định khung hình phạt tại khoản 4. Đồng thời bỏ hình phạt tử hình tại khoản 4 Điều 168 BLHS.

– Quy định mới “Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”.

2.1.2.2. Các quy định về tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ làm căn cứ để áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản.

Khi áp dụng quyết định hình phạt, theo quy định tại điều 50 BLHS năm 2015, ngoài căn cứ vào các quy định phân chung của BLHS và quy định tội phạm cụ thể của tội danh cướp tài sản, căn cứ vào tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi, căn cứ vào nhân thân người phạm tội thì một trong những căn cứ có ảnh hưởng tới quyết định hình phạt mà HĐXX phải cân nhắc và xem xét chính là các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ TNHS.

BLHS năm 2015 kế thừa, hoàn thiện, bổ sung những điểm mới các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn để đảm bảo việc áp dụng mang tính trừng phạt, răn đe; nhưng đồng thời mang tính giáo dục, cảm hóa đối với người phạm tội. Hiện BLHS năm 2015 quy định 22 (hai mươi hai) tình tiết giảm nhẹ TNHS tại khoản 1 Điều 51; và 15 (mười lăm) tình tiết tăng nặng TNHS tại khoản 1 Điều 52.

Giảm nhẹ TNHS là các tình tiết khác nhau về tội phạm, các tình tiết về nhân thân của người phạm tội đã được quy định tại Điều 51 BLHS hoặc chưa quy định cụ thể trong BLHS nhưng được Tòa án xem xét áp dụng với ý nghĩa làm giảm nhẹ TNHS đối với người bị kết án và giải thích rõ lý do giảm nhẹ trong bản án. Tuy nhiên, có những tình tiết giảm nhẹ TNHS được áp dụng đối với mọi tội phạm như quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 51 BLHS; có những tình tiết được Tòa án coi là tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS là những

tình tiết không bắt buộc áp dụng đối với mọi tội phạm mà chỉ được Tòa án xem xét áp dụng đối với từng trường hợp phạm tội cụ thể. Bên cạnh việc kế thừa các quy định, mở rộng các tình tiết giảm nhẹ, thì BLHS năm 2015 quy định “mang tính mở” cho chủ thể áp dụng pháp luật tìm ra những biểu hiện tích cực cho đời sống xã hội của người phạm tội khi áp dụng hình phạt “*Khi QĐHP, Tòa án có thể coi đầu thú hoặc tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi vào trong bản án*” (khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015).

Tăng nặng TNHS là các tình tiết khác nhau về tội phạm, các tình tiết về nhân thân người phạm tội đã được quy định tại Điều 52 BLHS được Tòa án xem xét áp dụng với ý nghĩa làm tăng nặng TNHS đối với người bị kết án. BLHS quy định các tình tiết tăng nặng TNHS mang tính bắt buộc đối với mọi tội phạm. Tòa án chỉ được áp dụng các tình tiết đã được quy định tại Điều 52 BLHS mà không được phép tự áp dụng các tình tiết khác không được quy định trong BLHS là tình tiết tăng nặng TNHS đối với người bị kết án. Khi các tình tiết trong BLHS quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì Tòa án cũng không được phép áp dụng các tình tiết đó là các tình tiết tăng nặng TNHS đối với người bị kết án. Đối với tội cướp tài sản thì các tình tiết phạm tội có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh được quy định là tình tiết tăng nặng (tương ứng với khoản 1, khoản 2, khoản 8, khoản 9 khoản 11 của Điều 52 BLHS) nhưng đồng thời cũng là tình tiết dấu hiệu định khung hình phạt được quy định tại Điều 168 BLHS, do đó khi QĐHP đối với tội cướp tài sản thì HĐXX không được phép áp dụng các tình tiết này làm các tình tiết tăng nặng.

2.1.3. Áp dụng đối với tội cướp tài sản trong trường hợp đặc biệt

Theo quy định hiện hành của BLHS và thực tiễn xét xử thì ADHP trong các trường hợp đặc biệt như miễn TNHS, miễn hình phạt, QĐHP nhẹ hơn quy định của pháp luật.

Thứ nhất: Miễn TNHS. Miễn trách nhiệm hình sự được hiểu là việc không buộc người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội phải chịu TNHS

mà BLHS quy định là tội phạm, do các CQTHTT có thẩm quyền áp dụng khi có đủ căn cứ pháp lý. Chế định miễn TNHS không phải là hình phạt, là quy định hết sức quan trọng mang tính nhân đạo và là chính sách hình sự khoan hồng của Nhà nước đối với người đã thực hiện hành vi gây nguy hiểm cho xã hội. Hiện nay theo quy định của BLHS năm 2015, có hai loại căn cứ miễn TNHS, là chế định mà các CQTHTT đều có thể áp dụng. Khi có đủ căn cứ miễn TNHS cho người phạm tội theo quy định của BLHS ở tại giai đoạn tố tụng nào thì CQTHTT giai đoạn đó có thể xem xét và quyết định miễn TNHS. Căn cứ để miễn TNHS được quy định tại Điều 29 BLHS.

Khi QĐHP đối với tội cướp tài sản, trong số các căn cứ được miễn TNHS thì Tòa án bắt buộc phải miễn TNHS cho người phạm tội trong trường hợp họ tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội, được quy định ở Điều 16 BLHS năm 2015.

Ngoài ra, BLHS năm 2015 quy định các căn cứ, các trường hợp mà Tòa án có thể miễn TNHS cho người phạm tội cướp tài sản khi có một trong các căn cứ được quy định ở khoản 2 và khoản 3 Điều 29 BLHS, như: *“do chuyển biến của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa; người phạm tội mắc bệnh hiểm nghèo dẫn đến không còn khả năng gây nguy hiểm cho xã hội nữa; trước khi bị phát giác, người phạm tội tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm và lập công lớn hoặc có công hiến đặc biệt, được Nhà nước và xã hội thừa nhận”* [1].

Thứ hai: Miễn hình phạt. Miễn hình phạt đối với cá nhân phạm tội cướp tài sản được quy định tại Điều 59 BLHS năm 2015. Theo khoa học LHS thì có thể hiểu *“miễn hình phạt là không buộc người thực hiện hành vi phạm tội phải chịu hình phạt về tội mà người đó đã thực hiện”*. Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 54 và Điều 59 BLHS thì người phạm tội cướp tài sản có thể được miễn hình phạt nếu thuộc trường hợp có đủ 3 điều kiện sau đây: (1) *có ít nhất 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS;* (2) *phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể;* (3) *đáng được khoan hồng đặc biệt nhưng chưa đến mức được miễn*

trách nhiệm hình sự [1].

Thứ ba: QĐHP nhẹ hơn quy định của pháp luật. Thông thường, khi QĐHP đối với người bị kết tội cướp tài sản, HĐXX sẽ lựa chọn một hình phạt trong phạm vi hình phạt được thể hiện trong các khung khác nhau tại Điều 168 BLHS năm 2015. Tuy nhiên, trong trường hợp người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nếu Tòa án tuyên cho họ một hình phạt ở mức thấp nhất khung hình phạt thì hình phạt đó vẫn còn quá nghiêm khắc. Trong trường hợp này, luật cho phép Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 54 BLHS thì Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật khi người phạm tội có ít nhất là hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định ở khoản 1 Điều 51 BLHS. Tại khoản 2 Điều 54 BLHS quy định Tòa án cũng có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng không bắt buộc phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật đối với người phạm tội lần đầu và là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể mà cũng không quy định bắt buộc phải có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như quy định ở khoản 1 Điều 54 BLHS. Tại khoản 3 Điều 54 BLHS quy định trường hợp khi có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 54 BLHS nhưng điều luật lại chỉ có một khung hình phạt hoặc khung hình phạt về tội đang xét xử là khung hình phạt nhẹ nhất của điều luật thì Tòa án có thể QĐHP dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc có thể chuyển sang một hình phạt thuộc loại nhẹ hơn và lý do của việc giảm nhẹ Tòa án phải ghi rõ trong bản án. Có thể nói, quy định về QĐHP nhẹ hơn quy định của BLHS có ý nghĩa quan trọng, tạo ra khả năng linh động cho các Tòa án trong trường hợp hình phạt trong khung không đáp ứng được việc tuyên hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, khắc phục được hiện tượng cứng nhắc, máy móc, hình thức trong QĐHP. Đồng thời, nó là cơ sở pháp lý quan trọng đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bị cáo khi họ có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

Thứ tư là QĐHP đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cướp tài sản

So với BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 đã sử dụng thuật ngữ “*người dưới 18 tuổi phạm tội*” thay cho thuật ngữ “*người chưa thành niên phạm tội*” nhằm cụ thể hóa và thống nhất về độ tuổi của người chưa thành niên phạm tội. QĐHP đối với người dưới 18 tuổi là một trường hợp QĐHP đặc biệt. Tính chất đặc biệt của trường hợp này là ở chỗ, hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được giảm nhẹ hơn so với người đã thành niên phạm tội có tình tiết khác tương đương và mức giảm nhẹ phụ thuộc mức tuổi của người phạm tội. Đối với tội cướp tài sản quy định tại Điều 168 của BLHS là tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý nên theo Điều 12 BLHS chủ thể của tội cướp tài sản là người từ đủ 14 tuổi trở lên. Khi QĐHP đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cướp tài sản, Tòa án phải tuân thủ nguyên tắc quy định tại Điều 91 BLHS năm 2015, cụ thể là:

- Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải căn cứ vào độ tuổi, khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm.

- Việc truy cứu TNHS người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ trong trường hợp cần thiết. Khung cao nhất của tội cướp là chung thân thì chỉ được QĐHP không quá 18 năm tù, nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù quy định tại điều 168 BLHS năm 2015. Không áp dụng hình phạt phụ bổ sung được quy định tại khoản 6 Điều 168 BLHS cho người dưới 18 tuổi phạm tội cướp tài sản.

- Người dưới 18 tuổi phạm tội cướp tài sản không thuộc trường hợp được miễn TNHS theo quy định tại điều 92 BLHS năm 2015 trừ trường hợp là người đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể trong vụ án cướp tài sản. Án đã tuyên đối với người chưa đủ 16 tuổi phạm tội, thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm. Với mục đích cao nhất là giáo dục, khoan hồng đối với người

dưới 18 tuổi phạm tội nên khi quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phải dựa cơ sở tổng hòa các quy định tại Chương XII về những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và các quy định khác của Bộ luật hình sự để đảm bảo nguyên tắc có lợi nhất. Trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội thông thường thì khi quyết định hình phạt nhẹ hơn luật định, Tòa án chuyển sang khung hình phạt nhẹ hơn hoặc chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn sau đó quyết định mức hình phạt ở khung hình phạt được áp dụng theo đúng quy định về quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi tại Chương XII BLHS.

2.2. Thực tiễn áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản tại Hải Phòng

Hải Phòng là thành phố cảng lớn nhất ở miền Bắc, một đầu mối giao thông quan trọng với hệ thống giao thông thủy, bộ, đường sắt, hàng không trong nước và quốc tế. Với diện tích tự nhiên là 1.507,57 km², tính đến tháng 12/2021, dân số Hải Phòng là 2.053.493 người, trong đó dân cư thành thị chiếm 45,9% và dân cư nông thôn chiếm 54,1%, là thành phố đông dân thứ 3 ở Việt Nam, sau Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh [3]. Cùng với xu thế đi lên của đất nước, biết phát huy và tận dụng những lợi thế của mình, những năm gần đây, Hải Phòng đã từng bước chuyển mình, đạt nhiều thành tựu về phát triển kinh tế - xã hội. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) giai đoạn 2021 của Hải Phòng đạt 12,38% dẫn đầu cả nước và là một trong hai địa phương có tăng trưởng đạt hai con số. [4]

Tuy nhiên, đi liền với sự phát triển kinh tế thì thành phố Hải Phòng cũng phải đương đầu với nhiều vấn đề xã hội phức tạp, đó là sự phân hóa giàu nghèo ngày càng rõ rệt, tình hình tội phạm có chiều hướng gia tăng cả về số lượng và tính chất nguy hiểm, nổi bật là các tội xâm phạm sở hữu, đặc biệt là tội cướp tài sản. Các đối tượng phạm tội tổ chức thành băng nhóm, có tính chất chuyên nghiệp, dùng vũ khí, phương tiện nguy hiểm, đôi khi manh động, côn đồ, không chỉ gây thiệt hại lớn về vật chất cho xã hội mà còn gây thương tích hoặc thậm chí giết người, từ đó gây mất trật tự an ninh, gây hoang mang trong đời sống nhân dân. Ngoài ra, trên địa bàn thành phố Hải Phòng có nhiều tội phạm từ trộm cắp, cướp giật ban đầu nhưng sau đó các đối tượng đã dùng vũ lực nhằm giữ tài sản hoặc

chống trả trên đường tẩu thoát đã làm chuyển hóa tội phạm sang tội cướp, từ đó góp phần làm cho số lượng tội phạm này gia tăng.

Nhận thức được tính chất nguy hiểm của tội phạm, quán triệt quan điểm của Đảng, Nhà nước và Đảng bộ thành phố Hải Phòng trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, thời gian qua các CQTHTT đã kịp thời điều tra, phá nhiều băng nhóm cướp nguy hiểm, truy tố và xét xử trước pháp luật với những hình phạt thích đáng cho người phạm tội, thể hiện trên những kết quả đạt được sau.

2.2.1. Những kết quả đạt được trong định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội cướp

Thứ nhất là: các vụ cướp tài sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng đã được các cơ quan chức năng kịp thời phát hiện, khởi tố và xét xử tại Tòa án.

Theo số liệu báo cáo thống kê hàng năm (từ năm 2018 đến năm 2021) của Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng, số vụ án và số bị cáo bị tòa án xét xử về tội cướp tài sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng có những diễn biến như sau:

Bảng 1. Thống kê số vụ thụ lý xét xử tội cướp tài sản trong sự so sánh với tổng vụ án tội phạm chung trên địa bàn thành phố Hải Phòng (2018-2021).

Năm	Kết quả thụ lý-xét xử tội phạm chung		Tội cướp tài sản		Tỷ lệ phần trăm	
	Số vụ án (1)	Số bị cáo (2)	Số vụ án (3)	Số bị cáo (4)	(3)/(1) (4)/(2)	(4)/(2)
2018	1656	2567	81	133	4,64	4,92
2019	1767	2765	92	160	4,94	5,4
2020	2002	2999	103	180	5,11	5,88
2021	2101	3100	109	195	4,93	5,91
Tổng	7526	11431	385	668	19,62	22,11

*Nguồn: Phòng thống kê nghiệp vụ Tòa án ND Thành phố Hải Phòng
(Từ năm 2018 đến năm 2021)*

Tính từ năm 2018 đến năm 2021 Tòa án nhân dân ở cả hai cấp thuộc thành phố Hải Phòng đã xét xử sơ thẩm tổng số 385 vụ án với 668 bị cáo về tội cướp tài sản [6], [7], [8], [9]. Trung bình các vụ cướp tài sản được xét xử chiếm khoảng

19,62% tổng số các vụ án hình sự về tội phạm nói chung xảy ra trên địa bàn thành phố. Hàng năm, đã giải quyết khoảng 96% số vụ án thụ lý, xét xử trong thời hạn luật định, nhiều vụ án được xét xử nhanh. Các vụ án đã xét xử đều đảm bảo tính công khai, dân chủ, bình đẳng, khách quan, không xử oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm, chất lượng xét xử được giữ vững. Các phán quyết của Tòa án căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét một cách toàn diện, khách quan các chứng cứ của vụ án nên đã đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Chất lượng giải quyết, xét xử các vụ án hình sự tiếp tục được nâng lên. Nghiên cứu kết quả xét xử vụ án về tội cướp tài sản do các Tòa án nhân dân hai cấp xét xử từ năm 2018 đến năm 2021, tác giả thấy rằng về cơ bản các TAND áp dụng đúng quy định của Điều 168 BLHS năm 2015 về định tội theo khoản cơ bản cũng như theo các khoản tăng nặng được quy định. Hầu hết các vụ án về tội cướp tài sản không bị kháng cáo, kháng nghị; trong trường hợp bản án sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị thì được Tòa án cấp phúc thẩm quyết định giữ nguyên bản án về tội danh cũng như khung hình phạt áp dụng. [9]

Thứ hai là HĐXX đã quyết định hình phạt cho các bị cáo phạm tội cướp tài sản một cách công bằng, nghiêm minh, phù hợp với pháp luật và thể hiện được ý nghĩa, mục đích của hình phạt.

Bảng 2. Kết quả quyết định hình phạt đối với tội cướp tài sản.

Năm	Xét xử		Hình phạt đã áp dụng						
	Vụ	Bị cáo	Cho hưởng án treo	Tù từ mức 03 năm trở xuống	Tù từ trên 03 năm đến 07 năm	Tù từ trên 07 năm đến 15 năm	Tù từ trên 15 năm đến 20 năm	Tù chung thân	Áp dụng hình phạt bổ sung
2018	81	133	9	10	90	30	11	5	29
2019	92	160	8	11	92	32	16	7	24
2020	103	180	8	12	92	35	18	8	38
2021	109	195	9	6	98	39	23	10	40
Tổng	385	668	34	39	372	136	68	30	131

Nguồn: Văn phòng tổng hợp số liệu thống kê TAND Thành phố Hải

Phòng (năm 2018-2021)

Thực tiễn QĐHP của TAND hai cấp tại Thành phố Hải Phòng từ năm 2018 đến năm 2021 cho thấy khi QĐHP, HĐXX đã căn cứ vào các quy định của BLHS phần chung, quy định vào điều 168 BLHS, cũng như căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, nhân thân người phạm tội để áp dụng mức hình phạt cụ thể đối với người phạm tội.

Do cướp tài sản là tội rất nghiêm trọng (khoản 1, khoản 2) hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng (khoản 3, khoản 4), cho nên đại đa số bị cáo bị áp dụng hình phạt tù. Như số liệu thống kê bảng trên chúng ta thấy rằng, trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2021, TAND hai cấp Thành phố Hải Phòng đưa ra xét xử 668 bị cáo về tội cướp tài sản [6], [7], [8], [9]. Kết án và QĐHP đối với 668 bị cáo, trong đó mức hình phạt từ 03 năm đến 07 năm tù (theo khoản 1 Điều 168) được QĐHP cho 372 bị cáo; mức hình phạt từ trên 7 năm đến 15 năm (theo khoản 2 Điều 168) QĐHP cho 136 bị cáo; mức hình phạt từ trên 15 năm đến 20 năm (theo khoản 2 Điều 168), QĐHP cho 68 bị cáo và mức hình phạt tù chung thân (theo khoản 4 Điều 168) được quyết định cho 30 bị cáo [9]. Ngoài ra có nhiều bị cáo phạm tội cướp tài sản ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội, phạm tội lần đầu hoặc có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đã được quyết định theo mức thấp nhất của khung do đó có 39 bị cáo được QĐHP dưới 3 năm tù và 34 bị cáo được cho hưởng án treo. Hình phạt bổ sung cũng được áp dụng cho 160 bị cáo và chủ yếu là hình phạt tiền .[9]

Có thể đánh giá, về cơ bản hoạt động QĐHP đối với tội cướp tài sản xảy ra trên địa bàn thành phố Hải Phòng đã đạt được hiệu thành tựu nhất định. Các vụ án được đưa ra xét xử một cách nhanh chóng, kịp thời, công khai, các hình phạt được HĐXX lựa chọn trên cơ sở căn cứ vào quy định hiện hành của BLHS năm 2015, cân nhắc tới tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm TNHS để quyết định hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp, đúng pháp luật, bảo đảm tính nghiêm minh, công bằng, đủ sức trừng trị, giáo dục người phạm tội, răn đe giáo dục cộng đồng ý thức tuân thủ pháp luật,

đồng thời tạo niềm tin trong nhân dân, đáp ứng tốt yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm đối với tội cướp tài sản trong tình hình mới.

2.2.2 Một số hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân

2.2.2.1. Một số hạn chế, vướng mắc

Mặc dù hoạt động ADHP của TAND thành phố Hải Phòng đối với tội cướp tài sản trong thời gian qua đạt được nhiều thành tựu đáng kể nhưng qua tổng kết thực tiễn công tác xét xử cho thấy hoạt động ADHP đối với tội cướp tài sản vẫn còn tồn tại một số hạn chế, vướng mắc, từ đó làm giảm đi ý nghĩa của hình phạt.

Thứ nhất: Việc áp dụng các căn cứ ADHP trong một số vụ án chưa chính xác. Nhiều trường hợp còn lúng túng trong việc áp dụng các tình tiết tăng nặng như tái phạm, tái phạm nguy hiểm, có tính chất chuyên nghiệp. Áp dụng không đúng một số tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (tình tiết phạm tội có tính chất côn đồ, tình tiết phạm tội nhiều lần).

Ví dụ: Tại bản án sơ thẩm số 17 ngày 15/7/2018 của TAND quận Hồng Bàng, Hải Phòng, Hội đồng xét xử đã áp dụng điểm d, khoản 2 Điều 133; điểm g khoản 1 Điều 48 xử phạt bị cáo Phạm Văn A 8 năm 6 tháng tù về tội cướp tài sản. Tuy nhiên, ở vụ án này, bị cáo A có tiền án vào năm 2017, khi đó Tuấn chưa đủ 16 tuổi. Do vậy, Tòa sơ thẩm áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 là không đúng, vì theo khoản 6 Điều 69 BLHS: “Án đã tuyên đối với người chưa thành niên phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm”. Tòa sơ thẩm vận dụng tình tiết tăng nặng nói trên là không đúng quy định của BLHS. Vì vậy, TAND thành phố Hải Phòng có thẩm quyền phúc thẩm đã giảm án cho bị cáo chỉ còn 7 năm 6 tháng tù (trích lục hồ sơ vụ án Phạm Văn A phạm tội cướp tài sản tại phòng lưu trữ hồ sơ TAND Thành phố Hải Phòng).

Việc nhận thức, đánh giá và áp dụng các tình tiết định khung tăng nặng vẫn còn một số trường hợp áp dụng không đúng hoặc không áp dụng, tuy sai sót không nhiều nhưng đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc cá thể hóa hình phạt.

Ví dụ: Đầu tháng 8/2020, Đỗ Văn Thức (cư trú tại số 218 Ngô Gia Tự, Hải An, Hải Phòng) do cá độ bóng đã thua tiền nên đã mượn tiền của Nguyễn Văn Phụng, tính cả vốn lẫn lãi là 400 triệu đồng. Phụng đòi nhiều lần nhưng Thức

không trả nên ngày 18/12/2020, sau khi gọi điện cho Thúc đòi tiền không được, Phụng đã nói với Thúc là sẽ nhờ Hồ Văn Phi đến đòi tiền và sau đó Phụng gọi cho Phi tới nhà Thúc đòi tiền. Khoảng 15 giờ cùng ngày, Lê Văn Phi mang theo súng bắn điện (của Công ty dịch vụ và bảo vệ Đại Việt) cùng Phụng và ba thanh niên nữa (chưa rõ lai lịch) đến nhà tìm Thúc nhưng không gặp. Phi cùng Phụng và ba thanh niên này đi sang quán café Hoa Phượng thuộc khu phố Ngô Gia Tự, Hải Phòng đối diện nhà Thúc, thấy Thúc đang ngồi thì Phi dùng súng điện dí vào đầu Thúc và đòi trả tiền. Thúc chồm dậy nói “tao không có tiền, mày muốn bắn thì bắn đi”. Phi dùng súng bắn điện đập vào đầu Thúc làm chảy máu. Lúc này nhóm của Phụng định xông vào đánh Thúc nhưng bị mọi người trong quán ngăn lại nên nhóm của Thúc lên xe bỏ đi. Theo Bản giám định pháp y số 1273/GDPY/2019 ngày 29/12/2020 của Trung tâm pháp y Sở y tế Hải Phòng: thương tích của Thúc là 02%. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 5172019/HSST ngày 27/4/2020 TAND quận Hải An, Hải Phòng áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm g khoản 1 Điều 51; Điều 15 BLHS năm 2015 xử phạt Trần Tuấn Phụng 08 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Phụng kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt (trích lục hồ sơ vụ án Nguyễn Văn Phụng và Hồ Văn Phi phạm tội cướp tài sản tại Phòng lưu trữ hồ sơ TAND quận Hải An).

Qua bản án có thể thấy Nguyễn Văn Phụng bị xét xử về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168, điểm g khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 là có căn cứ. Tuy nhiên, hồ sơ thể hiện Trần Tuấn Phụng có nhờ Hồ Văn Phi “đi đòi nợ” nhưng khi cùng thực hiện đòi nợ thì Phụng không biết việc Hồ Văn Phi có mang theo súng bắn điện. Không có chứng cứ nào thể hiện có sự bàn bạc về cách thức đòi nợ giữa Nguyễn Văn Phụng và Hồ Văn Phi. Phụng cùng Phi và ba đối tượng khác không rõ lai lịch chỉ đến đòi khoản tiền mà anh Thúc vay của Phụng rồi không trả. Khi thực hiện tội phạm các bị cáo không chiếm đoạt tài sản của anh Phụng và cũng chỉ gây thương tích 01% cho bị hại. Khoản 2 Điều 168 có mức phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm. Với động cơ, mục đích phạm tội và hậu quả xảy ra có mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo được áp dụng một tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, bị cáo lại không có nhân thân xấu, do đó

mức án 08 năm 06 tháng tù mà TAND quận Hải An đã xử phạt đối với Nguyễn Văn Phụng là nặng, không phù hợp với hậu quả xảy ra.

Thứ hai: Việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS còn nhiều sai sót như bỏ sót tình tiết không áp dụng hoặc áp dụng không đúng một số tình tiết giảm nhẹ TNHS hoặc áp dụng không có căn cứ, thiếu chính xác dẫn đến QĐHP không phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân của họ. Việc nhận thức và áp dụng “QĐHP nhẹ hơn quy định của Bộ luật” được quy định tại Điều 54 BLHS năm 2015 đối với người phạm tội cũng còn lúng túng, hiểu chưa rõ, chưa đầy đủ tinh thần của điều luật nên dẫn đến không áp dụng hoặc áp dụng không đúng, nhiều bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ và một tình tiết tăng nặng nhưng vẫn xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. BLHS quy định là *“phải có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ trở lên quy định ở Điều 54 khoản 1..”* nhưng trong thực tiễn xét xử Tòa án vẫn cho bị cáo áp dụng quy định này khi bị cáo chỉ có 1 tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định ở khoản 1 Điều 51, còn lại là các tình tiết giảm nhẹ TNHS khác do Tòa án tự xác định được ghi trong bản án. Qua nghiên cứu 100 bản án thì có 6 bản án mắc thiếu sót nêu trên chiếm 6% . Ngoài ra, trong một số trường hợp, Tòa án thường vận dụng không đúng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015. Theo nội dung điều luật này thì khi QĐHP, Tòa án có thể coi những tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ nhưng phải ghi rõ trong bản án. Quy định này trên thực tế bị lạm dụng. Ví dụ như: bị cáo là sinh viên, bị cáo có chồng đang chấp hành hình phạt tù...

Thứ ba: Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội không chính xác dẫn đến áp dụng QĐHP không hợp lý. Sai sót này thường xuất phát từ nguyên nhân chủ yếu là Tòa án chưa xem xét kỹ tất cả các tình tiết có trong vụ án, do đó, cân nhắc không đúng căn cứ này và quyết định hình phạt cho bị cáo thiếu chính xác. Việc áp dụng án treo còn sai sót như cho bị cáo hưởng án treo khi không đủ điều kiện; bị cáo có nhân thân xấu nhưng vẫn cho bị cáo được hưởng án treo; bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, lẽ ra phải xử phạt bị cáo ở mức hình phạt trên 3 năm tù mới đủ sức

răn đe, giáo dục nhưng Tòa án lại áp dụng Điều 54 BLHS năm 2015 để xử phạt bị cáo 3 năm tù hoặc dưới 3 năm tù và áp dụng Điều 65 BLHS năm 2015 để cho bị cáo được hưởng án treo là không nghiêm. Một số trường hợp bị cáo đáng được hưởng án treo nhưng Tòa án lại xử phạt giam đỗi với bị cáo là không đúng, quá coi trọng mục đích trừng trị của hình phạt.

2.2.2.2 Nguyên nhân của những vướng mắc, tồn tại trên

Có nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến những tồn tại vướng mắc trong thực tiễn quyết định hình phạt đỗi với tội cướp tài sản tại địa bàn thành phố Hải Phòng, điển hình có thể kể đến:

- Thứ nhất, xuất phát từ những quy định còn bất cập về tội cướp tài sản và các quy định về quyết định hình phạt gây khó khăn cho việc hiểu và áp dụng thống nhất trong quá trình quyết định hình phạt đỗi với tội cướp tài sản

Thứ hai là do trình độ năng lực chuyên môn cho các cán bộ tòa án, tư pháp trên địa bàn thành phố Hải Phòng còn hạn chế

Thứ ba là công tác phối hợp, xử lý đỗi với tội cướp tài sản trên địa bàn còn chưa đạt hiệu quả

Thứ tư là công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn chưa được chú trọng, ý thức chấp hành pháp luật chưa cao

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI TỘI CƯỚP TÀI SẢN.

3.1. Hoàn thiện quy định về áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản

3.1.1. Hoàn thiện quy định về tội cướp tài sản trong BLHS năm 2015

Cướp tài sản là tội đặc biệt nghiêm trọng trong nhóm tội xâm phạm sở hữu bởi tính chất nguy hiểm của hành vi, không chỉ xâm phạm tới khách thể là quyền sở hữu mà còn xâm phạm tới khách thể là quyền nhân thân – một khách thể quan trọng được luật hình sự bảo vệ. Bởi lẽ đó mà tội cướp tài sản đã được ghi nhận ngay từ BLHS đầu tiên và từ đó, hoàn thiện dần qua những lần sửa đổi. Trong pháp luật hình sự Việt Nam trước BLHS năm 2015, chế tài của tội cướp tài sản luôn luôn đến tử hình; thực hiện chính sách nhân đạo, BLHS năm 2015 đã giảm mức cao nhất của tội phạm này xuống tù chung thân (khoản 4 Điều 168).

Trong bối cảnh tình hình cướp xảy ra trên địa bàn Hải Phòng ngày càng tăng với nhiều thủ đoạn tinh tinh vi, có băng nhóm tổ chức thậm chí nhiều trường hợp thể hiện tính manh động, côn đồ, coi thường pháp luật, đòi hỏi cần có quy định chế tài hợp lý và quyết định lựa chọn hình phạt nghiêm khắc đủ sức răn đe giáo dục người phạm tội cũng như giáo dục cộng đồng ý thức tuân thủ pháp luật, thể hiện chính sách hình sự hướng thiện, coi trọng tính phòng ngừa, đấu tranh phòng chống loại tội này.

Để phù hợp với tình hình thực tiễn và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội cướp tài sản nói riêng thì trước hết cần hoàn thiện Điều 168 BLHS theo hướng: (1) đảm bảo thể hiện được đó là tội nghiêm trọng nhất trong các tội chiếm đoạt; (2) đảm bảo phân hoá TNHS và phân biệt với các tội có liên quan; (3) về kỹ thuật lập pháp phải cụ thể, rõ ràng, đảm bảo được nhận thức và áp dụng thống nhất trong thực tiễn.

Thứ nhất là về hành vi vi phạm trong mặt khách quan của tội phạm: Do tội cướp tài sản đồng thời xâm phạm quyền sở hữu và tính mạng, sức khoẻ, nên chẳng chỉ những hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực nguy hiểm đến tính mạng, sức khoẻ để chiếm đoạt tài sản mới cấu thành tội cướp tài sản; còn những hành vi dùng

vũ lực, đe dọa dùng vũ lực không nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe để chiếm đoạt tài sản thì cấu thành tội cưỡng đoạt tài sản. Tác giả cho rằng việc phân biệt về thời gian đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc (đối với tội cướp tài sản) và sẽ dùng vũ lực (đối với tội cưỡng đoạt tài sản) theo BLHS hiện nay không thể hiện được mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; và vì vậy không phân hoá được TNHS giữa hai tội phạm này. Về mặt kỹ thuật lập pháp, để hiểu thống nhất các hành vi dùng vũ lực trong mặt khách quan, cần quy định tách hành vi đó thành các điểm độc lập. Như vậy, khái niệm tội cướp tài sản sẽ cụ thể hóa các biểu hiện khách quan cụ thể của tội cướp tài sản ở mức độ nguy hiểm cao hơn. Cướp tài sản là hành vi nguy hiểm cho xã hội thể hiện ở việc chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn: 1/ dùng vũ lực nguy hiểm cho tính mạng, sức khỏe của người khác; 2/ đe dọa dùng vũ lực nguy hiểm cho tính mạng, sức khỏe của người khác; 3/ dùng thủ đoạn khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được.

Thứ hai là về hậu quả của tội cướp tài sản: gồm thiệt hại về tài sản và trong nhiều trường hợp còn gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe của người khác. Thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội cướp tài sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng cho thấy đã có những bất cập đối với quy định của tội phạm này tại Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015 cần được nhận diện: “hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được” là chưa rõ ràng dẫn đến thiếu thống nhất trong nhận thức, thực hiện và áp dụng pháp luật.

Thứ ba là về khách thể của tội phạm: cần quy định về khách thể tội phạm cướp tài sản cần cụ thể hơn. Theo quy định tại Điều 158 của Bộ luật dân sự năm 2015 có quy định đó là quyền sở hữu sẽ bao gồm nội dung về quyền chiếm hữu, quyền sử dụng cũng như quyền định đoạt đối với tài sản của chủ sở hữu theo đúng theo quy định của pháp luật. Theo định nghĩa này thì có thể thấy rằng quyền sở hữu bao gồm ba quyền năng cơ bản đó là quyền sử dụng, quyền chiếm hữu và quyền định đoạt. Theo quy định hiện hành, đối tượng tác động của tội cướp tài sản chính là tài sản. Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, tài sản như vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản. Thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm đối với tội cướp tài sản cho thấy đối tượng tác động của tội phạm đa phần là các loại động

sản hữu hình, đó là vật, tiền, các giấy tờ có giá; tài sản thuộc loại vô hình (quyền tài sản), các loại bất động sản khó có thể là đối tượng của tội cướp tài sản.

3.1.2. Ban hành các văn bản hướng dẫn để có cách hiểu thống nhất trong áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản

TAND tối cao cần ban hành thêm các văn bản hướng dẫn để có cách hiểu và áp dụng thống nhất pháp luật trong điều tra, truy tố, xét xử, đặc biệt là trong quyết định hình phạt đối với tội cướp tài sản, cụ thể:

- Một là, Trong khi Điều 168 của BLHS năm 2015 chưa được sửa đổi, cơ quan có thẩm quyền cần hướng dẫn áp dụng pháp luật đối với một số hành vi sau:

+ Hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực không nguy hiểm đến tính mạng, sức khoẻ người bị tấn công để chiếm đoạt tài sản. Trường hợp này, cần được đánh giá như là thủ đoạn uy hiếp tinh thần để chiếm đoạt tài sản và cấu thành tội cưỡng đoạt tài sản theo Điều 170 BLHS;

+ Hướng dẫn tình tiết quy định tại Điều 168 BLHS năm 2015 “làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được” chỉ là kết quả của hành vi dùng thủ đoạn khác, chứ không phải là kết quả của hành vi dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực.

- Hai là, tại điểm a khoản 2 Điều 168 của BLHS năm 2015 quy định “có tổ chức”. Nếu chỉ quy định như vậy thì chưa đánh giá hết mức độ nguy hiểm của từng nhóm tội phạm vì có những trường hợp phạm tội theo nhóm chỉ từ 2 đến 3 người, trước khi thực hiện hành vi phạm tội cũng có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cho từng người nhưng ở mức độ đồng phạm giản đơn, nhất thời, nhưng cũng có nhóm tội phạm có nhiều người của một tổ chức, có sự phân công và tham gia của người cầm đầu, chủ mưu (trong việc lên kế hoạch), người xúi giục (lên dây cót về mặt tinh thần), có người thực hành (tuân theo mệnh lệnh), có giúp sức (với nhiệm vụ cung cấp phương tiện, tiền bạc và tiêu thụ tài sản cướp được). Tuy nhiên, hiện điểm a khoản 2 Điều 168 của BLHS năm 2015 chưa phân biệt giữa hai loại “có tổ chức” này. Vì vậy cơ quan có thẩm quyền cần có hướng dẫn rõ ràng các trường hợp này để quyết định hình phạt tương xứng.

- Ba là, tình tiết quy định tại điểm g khoản 2 Điều 168 của BLHS năm 2015 “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội” vẫn chưa được hướng dẫn cụ thể

- Bốn là, về các tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại 08 điểm ở khoản 2. Tại 03 điểm ở khoản 3 và 04 điểm ở khoản 4 của Điều 168 BLHS năm 2015, thì mức cao nhất ở khoản 4 là tù chung thân. Tại điểm c khoản 2 quy định “gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30%”, tại điểm b khoản 3 quy định “gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31 đến 60%” và tại điểm b khoản 4 quy định “gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 31% trở lên”. Như vậy, hậu quả của tội cướp tài sản ngoài xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác ra còn xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm của người bị hại, những vấn đề này được quy định cụ thể tại điểm c, e khoản 2; điểm b khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều 168 của BLHS năm 2015. Đối với tài sản có thể định lượng được, thì giá trị của tài sản đó với từng chủ sở hữu khác nhau có thể là khác nhau về tính “nghiêm trọng” nhưng lại được xem xét trong cùng một khung hình phạt là chưa phù hợp, cụ thể: Thiệt hại về tài sản tuy chỉ một hai chục triệu đồng cũng có thể gây hậu quả nghiêm trọng đối với gia đình có thu nhập thấp hoặc đặc biệt nghiêm trọng đối với đời sống của một gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn hoặc số tiền đó là tiền vay mượn để điều trị bệnh. Ngược lại cũng là số tiền này thì đối với một gia đình khá giả thì nó không ảnh hưởng lớn. Đối với thiệt hại phi vật chất thì càng khó để xác định thiệt hại thực tế do hành vi phạm tội gây ra. Ảnh hưởng như thế nào đối với đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đến an ninh trật tự xã hội thì bị coi là nghiêm trọng, rất nghiêm trọng. ... Do đó, cần có những văn bản hướng dẫn cụ thể và chi tiết hơn hoặc khi xem xét mức độ ảnh hưởng của tội phạm, cần có cái nhìn tổng thể, toàn diện và linh hoạt.

- Năm là, điểm d khoản 2 Điều 168 của BLHS năm 2015 qui định “sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác”, tức là chỉ cần có hành vi dùng vũ khí, thủ đoạn nguy hiểm đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác thì đã bị và có thể bị truy tố và xét xử theo khoản 2 của 61 Điều luật này. Tuy nhiên, tại điểm c khoản 2 lại qui định “gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30%”. Theo quy định tại khoản 2 của Điều 168 thì người bị truy tố ở khoản này thì có mức án phạt tù từ 07 năm đến 15 năm. Như vậy, ngay trong quy định của điều luật đã có sự đánh đồng giữa hành vi dùng vũ khí, thủ đoạn nguy hiểm đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác (có thể chưa gây tổn hại sức khỏe cho người bị hại) với hành vi gây thương tích hoặc tổn hại về sức khỏe của bị hại lên đến 30%.

- Sáu là, khoản 2 Điều 168 của BLHS năm 2015 qui định khung hình phạt là từ 07 đến 15 năm, đây là một khoảng cách quá lớn mà nhà làm luật đã phó thác hết vào sự phán quyết sáng suốt, công minh của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân. Thực tế cho thấy, tội cướp tài sản ngày càng liều lĩnh, manh động và hung hãn. Người phạm tội sẵn sàng dùng hung khí đã chuẩn bị từ trước nhằm đe dọa, trường hợp bị hại chống cự lại người phạm tội sẵn sàng gây thương tích thậm chí có thể gây ra chết người. Nhưng theo quy định của luật thì người phạm tội chỉ bị truy tố, xét xử về tội cướp tài sản qui định tại khoản 4 Điều 168 của BLHS năm 2015. Khoản 4 của Điều này, mức cao nhất mà bị cáo phải chịu là tù chung thân, dù hành vi của bị cáo có thể gây ra cái chết thương tâm cho bị hại. Do vậy, nên chăng vẫn tăng hình phạt của tội này với mức cao nhất là tử hình? Có như vậy mới nhằm răn đe, ngăn chặn loại tội phạm nguy hiểm đang có chiều hướng gia tăng cả về số lượng và tính manh động của loại tội này.

3.1.3. Hoàn thiện các quy định về áp dụng hình phạt trong BLHS năm 2015

Thứ nhất: Hoàn thiện chế định miễn TNHS. Căn cứ miễn TNHS được quy định tại Điều 29 BLHS. Theo đó, người phạm tội sẽ được miễn TNHS khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1, có thể được miễn TNHS nếu có một trong các căn cứ quy định tại khoản 2 và nếu thỏa mãn căn cứ quy định tại khoản 3 của điều luật. Quy định về miễn TNHS theo BLHS năm 2015 có mở rộng căn cứ miễn

TNHS hơn các BLHS trước đây. Ở giai đoạn khởi tố điều tra, truy tố, nếu xuất hiện hay xét thấy có đủ căn cứ, điều kiện thì cơ quan Điều tra hoặc Viện kiểm sát đều có quyền miễn TNHS cho người phạm tội, sẽ phần nào khuyến khích người phạm tội tự thú, lập công chuộc tội hoặc tích cực bồi thường, khắc phục hậu quả. Tuy nhiên, để xem xét có đủ điều kiện để miễn hay có thể miễn TNHS hay không đối với người phạm tội thì cần thiết phải được thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa hình sự và chỉ có Tòa án mới có thẩm quyền tuyên bố người phạm tội có được miễn TNHS hay không

Đồng thời, cũng cần hoàn thiện quy định về điều kiện miễn TNHS tại khoản 3 Điều 29 BLHS, theo đó bị cáo phải tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả mới đủ điều kiện để miễn TNHS. Như vậy, những trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng do vô ý mà chưa gây thiệt hại hoặc bị hại không yêu cầu bồi thường và có đề nghị miễn TNHS cho người phạm tội thì bị can, bị cáo cũng không thể miễn TNHS. Điều đó đã thu hẹp phạm vi áp dụng quy định này. Vì vậy, đề nghị huỷ bỏ điều kiện “tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả” tại khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015.

Thứ hai: Hoàn thiện quy định về mục đích hình phạt. Mục đích của hình phạt được xác định chưa rõ ràng. Theo quy định của Điều 31 BLHS thì “*Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật... giáo dục tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm*”. Việc vẫn coi trừng trị là mục đích chính của hình phạt đã tạo ra một chính sách sai lầm là coi nặng tính trừng trị với các biện pháp TNHS hà khắc thái quá làm giảm hiệu quả phòng ngừa. Nhận thức đó đã tạo ra một thực tiễn áp dụng pháp luật, dư luận xã hội đi ngược lại với chính sách, với quy định của pháp luật: hình phạt tử hình vẫn còn quy định trong quá nhiều tội và áp dụng trên thực tế còn nhiều; hình phạt tù được áp dụng phổ biến nhất, chiếm tỷ lệ cao; các biện pháp miễn TNHS, miễn hình phạt, các hình phạt không phải tù, các biện pháp thay thế hình phạt ít được áp dụng trên thực tế. Các quy định của BLHS chưa tạo ra cơ sở pháp lý đầy đủ để thực hiện chính sách hình sự nhân đạo, nhân văn, vì con người; chính sách hình sự hướng thiện. Nhận thức xã hội nói chung, của những người áp

dụng pháp luật hình sự nói riêng vẫn chưa đồng hành cùng chính sách hình sự được xác định. Việc xử lý nhân đạo, hướng thiện đối với người phạm tội vẫn chưa nhận được sự đồng tình cao của dư luận xã hội. Công lý, công bằng chưa được coi là tiêu chí cao nhất của một nền tư pháp tiên bộ. Vì vậy, cần thay đổi tư duy về mục đích của hình phạt.

Thứ ba: Hoàn thiện điều 50 của BLHS về căn cứ QĐHP. Theo quy định hiện hành, HĐXX căn cứ vào quy định của BLHS, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS để QĐHP. Khi quyết định áp dụng hình phạt tiền, ngoài các căn cứ nêu trên, HĐXX phải đồng thời căn cứ vào tình hình tài sản, khả năng thi hành của người phạm tội. Xét về căn cứ *“cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội”* và căn cứ *“nhân thân người phạm tội”* hoàn toàn có ý nghĩa định tính. Để đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi cần phải dựa vào các yếu tố như tính chất quan hệ xã hội bị xâm hại, tính chất của hành vi khách quan bao gồm cả tính chất của phương pháp, thủ đoạn phạm tội, của công cụ, phương tiện phạm tội; mức độ gây ra hoặc đe dọa gây ra cho quan hệ xã hội bị xâm hại; tính chất và mức độ lỗi; động cơ, mục đích của người phạm tội; hoàn cảnh chính trị - xã hội và nơi hành vi phạm tội được thực hiện. Để hiểu rõ hơn và đánh giá chính xác về nhân thân của người phạm tội, tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của BLHS về án treo có quy định cụ thể về việc xem xét, đánh giá như thế nào là người có nhân thân tốt, nhưng không quy định việc xác định tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Do đó, khi QĐHP, Tòa án sẽ có tính *“tùy nghi”* cao trong việc xem xét, đánh giá, cân nhắc các căn cứ QĐHP. Vì vậy, Điều 50 BLHS cần bổ sung theo hướng làm rõ hơn quy định về *“tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội”*.

Thứ tư: Hoàn thiện các quy định về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt

- Đối với việc áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm TNHS thì cần có văn bản hướng dẫn để có cách hiểu và áp dụng thống nhất đối với các tình tiết như: *“người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác”* (quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51; *“dùng thủ đoạn hoặc phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người để phạm tội”* (quy định tại điểm n khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015)... theo hướng cần xác định cụ thể một dấu hiệu liệt kê là một tình tiết hay khi thỏa mãn các dấu hiệu tại điểm đó mới được xem là một tình tiết.

- Đối với các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo hướng “mở”. BLHS năm 2015 đã đưa ra quy định mang tính “mở” cho việc áp dụng “có thể coi... tình tiết khác” là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015). Để có cách hiểu và áp dụng thống nhất cần có văn bản hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn, việc hướng dẫn có nhiều cách, như: quy định thêm các tình tiết, hướng dẫn theo tiêu chí... Tuy nhiên, tác giả thấy rằng: BLHS năm 2015 đã đưa ra quy định “mang tính mở” cho chủ thể THTT áp dụng, thì việc hướng dẫn theo hướng liệt kê các tình tiết sẽ không đúng thẩm quyền (vì, chỉ có Quốc hội mới có quyền ban hành luật). Do vậy, để phù hợp với thẩm quyền của chủ thể hướng dẫn; phù hợp với “tính mở” của quy định của BLHS năm 2015, thì cơ quan hướng dẫn cần đưa ra các “tiêu chí” để chủ thể áp dụng xác định biểu hiện nào là biểu hiện tích cực cho xã hội được xem là một tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Thứ năm: hướng dẫn việc hiểu và áp dụng thống nhất quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung

Tại khoản 2 Điều 54 BLHS năm 2015 quy định: *“Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng không bắt buộc phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật đối với người phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể.”* Với quy định nêu trên ta thấy, so với các BLHS trước đây, Điều 54 của BLHS năm 2015 đã bổ sung một quy phạm mở cho Tòa án và có lợi hơn cho người phạm tội và thể hiện sự tiến bộ trong quá trình lập pháp hình sự của Nhà nước ta. Qua đó đã đảm bảo được tính khách quan và công bằng khi

cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo trong một vụ án; đồng thời tháo gỡ những vướng mắc trong thực tiễn xét xử của Tòa án đối với những trường hợp người phạm tội lần đầu là người giúp sức, có vai trò không đáng kể trong vụ án đồng phạm, nhưng bị đưa ra xét xử ở khung hình phạt nặng cùng với các đồng phạm khác. Những người này theo quy định của các BLHS trước đây dù họ có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, nhưng không thỏa mãn việc miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt; trong trường hợp này, tòa án có thể xem xét, vận dụng các tình tiết giảm nhẹ, khoan hồng tối đa nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc “hình phạt được áp dụng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn khung hình phạt được áp dụng” mà không được thấp hơn hình phạt trong khung liền kề; như vậy là quá nghiêm khắc mà không thể hiện tối đa tính nhân văn của quyết định hình phạt. Tuy nhiên, từ thực tiễn nghiên cứu, áp dụng cho thấy quy định tại khoản 2 Điều 54 của BLHS năm 2015 còn bộc lộ một số bất cập, vướng mắc, gây ra nhiều cách hiểu và áp dụng khác nhau về “*điều kiện áp dụng*” và “*vai trò không đáng kể*”.

Đối với điều kiện được áp dụng quy định tại khoản 2 theo quy định được hiểu là độc lập hay phải thỏa mãn *điều kiện* quy định tại khoản 1 Điều 54 của BLHS năm 2015 là phải “*Có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ*”? Trên thực tế trong quyết định hình phạt, hiện đang tồn tại hai quan điểm. ***Quan điểm thứ nhất cho rằng:*** Quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 54 của BLHS là hai trường hợp riêng biệt nên việc áp dụng mỗi khoản là tách biệt và độc lập nhau, nghĩa là họ chỉ cần có tối thiểu một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 (mà không nhất thiết phải có 2 tình tiết giảm nhẹ) và thỏa mãn điều kiện “*Người phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể*” là Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng không bắt buộc phải trong khung liền kề. ***Quan điểm thứ hai cho rằng:*** Với việc bổ sung quy định khoản 2 Điều 54 của BLHS là căn cứ nhằm đảm bảo nguyên tắc công bằng khi quyết định hình phạt của Tòa án. Đây trường hợp mở rộng và có mối liên hệ hữu cơ với quy định tại khoản 1 Điều 54 của BLHS, tháo gỡ được những khó khăn cho Tòa án và đảm

bảo tính “trương xứng” của hình phạt so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội. Tuy nhiên, việc áp dụng quy định này không được tùy tiện mà luôn phải đảm bảo nguyên tắc bắt buộc là có từ 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS. Hay nói cách khác, người phạm tội được áp dụng khoản 2 khi phải thỏa mãn đủ các điều kiện sau: (1) *Người phạm tội có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS;* (2) *Người phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể. Bởi vì, chỉ riêng áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt áp dụng trong khung liên kế nhẹ hơn người phạm tội đã phải có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51; trong trường hợp này hình phạt họ được áp dụng còn dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liên kế nhẹ hơn khung hình phạt được áp dụng hoặc có thể áp dụng hình phạt nhẹ hơn nằm ở khung thứ nhất hoặc thứ hai của khung hình phạt liên kế của khung hình phạt được áp dụng hoặc họ có thể bị xử phạt mức hình phạt tối thiểu của các loại hình phạt.* Do đó, trong trường hợp này, ngoài việc thỏa mãn điều kiện về phạm tội lần đầu, đồng phạm với vai trò giúp sức không đáng kể thì người phạm tội phải đảm bảo tuân thủ điều kiện bắt di bắt dịch (nguyên tắc quyết định hình phạt dưới khung) là có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51; có như vậy mới đảm bảo nguyên tắc công bằng; tính lôgic và sự phù hợp trong QĐHP.

Vấn đề thứ hai là xác định “*vai trò không đáng kể trong vụ án đồng phạm*” đối với người giúp sức. Hiện nay chưa có văn bản nào hướng dẫn để xác định “vai trò không đáng kể” của người giúp sức trong vụ án đồng phạm. Trong khi đó, đây là căn cứ rất quan trọng để Tòa án quyết định việc có cho người phạm tội được hưởng “*một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng không bắt buộc phải trong khung hình phạt liên kế nhẹ hơn của điều luật*”. Thực tế hiện nay việc nhận thức và đánh giá về tình tiết này thường dựa trên nội dung vụ án cụ thể và sự độc lập của HĐXX mà không có hướng dẫn đưa ra từng tiêu chí cụ thể nào. Do đó, có trường hợp các vụ án có tình tiết giống nhau nhưng lại được các Tòa áp dụng khác nhau; trong đó có tòa cho bị cáo hưởng tình tiết này, có tòa lại không áp dụng.

Từ hai vấn đề còn có cách hiểu không thống nhất ở trên, đặt ra yêu cầu TAND tối cao cần ra văn bản hướng dẫn áp dụng hình phạt thống nhất theo khoản 2 Điều 54 của BLHS phải trên cơ sở quy định của pháp luật và phải đảm bảo tuân theo các nguyên tắc và thống nhất. Cụ thể:

- Phải tuân thủ nguyên tắc quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt; bởi lẽ quyết định hình phạt dưới khung áp dụng và trong khung liền kề nhẹ hơn đã thể hiện sự khoan hồng của pháp luật hình sự Việt Nam, do vậy đòi hỏi bị cáo phải đáp ứng được điều kiện “Có ít nhất 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS”;

- Vì là dưới khung nhưng không bắt buộc phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật, điều này có nghĩa cơ quan tiến hành tố tụng có thể áp dụng “thùng” 2-3 khung hình phạt hoặc có thể chuyển sang hình phạt khác (nếu thuộc khoản 3); đây là quy định mở, áp dụng có lợi cho người phạm tội và hướng tới bảo vệ quyền con người, quyền cơ bản của công dân; song vì là pháp luật hình sự nên cần có hướng dẫn quy định chi tiết và cụ thể hơn về chế định này.

Đối với vấn đề xác định thế nào là “vai trò không đáng kể”, để đưa ra một định nghĩa đầy đủ về nội dung này là không dễ dàng. Do vậy, chỉ có thể dựa trên một số tiêu chí để xác định “vai trò không đáng kể” của người giúp sức trong vụ án đồng phạm một cách định tính như: Cần xem xét tính chất vụ án, hành vi khách quan của bị cáo, trên cơ sở đó đánh giá mức độ hành vi cụ thể của họ trong toàn bộ vụ án; xác định vai trò “mắt xích” của người giúp sức đó không quan trọng và thấp nhất trong tất cả các đồng phạm khác của vụ án; hành vi mà họ thực hiện không quyết liệt, không mong muốn hậu quả xảy ra hoặc đã hạn chế hậu quả xảy ra ở mức thấp nhất hoặc đã khắc phục hậu quả ở mức tối đa nhất...

3.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng hình phạt đối với tội cướp tài sản tại Hải Phòng

3.2.1. Nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ kiểm soát, tòa án, tư pháp trên địa bàn

Để ADHP đúng đắn về tội cướp tài sản nhằm bảo đảm đủ nghiêm minh, thể hiện tính răn đe, giáo dục cải tạo người phạm loại tội nguy hiểm này, cần

nâng cao năng lực người tiến hành tố tụng, nhất là đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân- những người trực tiếp thực hiện việc ADHP trên thực tế. Nâng cao năng lực người tiến hành tố tụng trước hết là nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ để họ có thể nắm bắt đầy đủ, chính xác các quy định của pháp luật, các hướng dẫn áp dụng pháp luật; sử dụng hiệu quả kiến thức nhận được vào hoạt động thực tế đối với từng vụ án cụ thể. Chính sách trừng trị kết hợp với khoan hồng, thực hiện chính sách hình sự nhân đạo, hướng thiện, coi trọng tính phòng ngừa... cần thấm đẫm trong nhận thức và quan điểm của mỗi người tiến hành tố tụng, đặc biệt là đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm, những người thực hiện quyền tư pháp, có nhiệm vụ cao cả bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người.

3.2.2 Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp, xử lý nghiêm minh đối với tội cướp tài sản trên địa bàn

Hoạt động ADHP thuộc về tòa án, tuy nhiên, để ADHP đối với tội cướp tài sản đúng đắn thì HĐXX phải căn cứ vào hồ sơ vụ án và bản cáo trạng đề nghị truy tố tội danh và hình phạt do cơ quan tiến hành tố tụng (VKS và Cơ quan điều tra) trước đó thực hiện. Do đó, để nâng cao chất lượng ADHP đòi hỏi phải nâng cao hiệu quả công tác phối hợp – chế ước giữa các CQTHTT.

Quan hệ phối hợp – chế ước giữa Cơ quan điều tra với VKS và Tòa án trong điều tra, truy tố, xét xử tội cướp tài sản được hiểu là mối quan hệ phát sinh trong quá trình các cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định để hỗ trợ, chế ước lẫn nhau, tạo điều kiện cho nhau khi giải quyết các vụ án cướp tài sản. Mối quan hệ này được hình thành một cách tất yếu, thể hiện bằng các hình thức và cách thức thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan theo quy định của pháp luật thông qua hoạt động tố tụng hình sự của người tiến hành tố tụng được nhà nước trao quyền pháp lý nhằm giải quyết vụ án cướp tài sản một cách khách quan, công bằng và đúng người, đúng tội.

Quan hệ phối hợp - chế ước này được dựa trên nền tảng là BLTTHS, Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự, Luật Tổ chức VKSND, Luật Tổ chức TAND

và các văn bản hướng dẫn thực hiện BLTTHS đã được liên ngành các cơ quan tư pháp trung ương ban hành là căn cứ pháp lý thuận lợi cho việc thực hiện quan hệ phối hợp chế ước giữa các CQTHTT.

Thực tiễn giải quyết các vụ án cướp tài sản xảy ra trên địa bàn thành phố Hải Phòng trong thời gian qua đã cho thấy sự phối hợp – chế ước rất tốt giữa các CQTHTT. Tuy nhiên, trong một số trường hợp vẫn tồn tại nhiều nhược điểm cần khắc phục, cụ thể như ĐTV không chủ động trao đổi với KSV, Kiểm sát viên không nắm được đầy đủ về vụ án, bị lúng túng, đề xuất xử lý không chuẩn xác, dẫn đến Tòa án không thể ADHP mà phải yêu cầu phải trả hồ sơ điều tra bổ sung, hoặc đình chỉ vì không có căn cứ chứng minh hành vi phạm tội. Nhiều vụ án khó xác định tội danh (giữa cướp tài sản với cướp giật tài sản hay cưỡng đoạt tài sản, hoặc giết người cướp tài sản hay cướp tài sản có tình tiết tăng nặng là làm chết người...), giữa các CQTHTT có quan điểm khác nhau và đều giữ nguyên tắc bảo vệ quan điểm của mình đến cùng, thiếu sự phối hợp, dẫn đến vụ án bị kéo dài. Do đó, nhằm nâng cao hiệu quả phối hợp, xử lý nghiêm minh đối với tội cướp tài sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ các giải pháp:

- Thứ nhất là tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các CQTHTT trong việc thu thập, kiểm tra, đánh giá và sử dụng chứng cứ nhằm tìm ra sự thật khách quan của vụ án cướp tài sản, trên cơ sở đó có được một ADHP đúng đắn, đồng thời vừa có sự kiểm tra, giám sát lẫn nhau thông qua đó giữa các chủ thể tiến hành tố tụng có thể phát hiện ra những thiếu sót, hạn chế để khắc phục và bổ sung cho nhau nhằm loại bỏ những khuyết điểm và hạn chế đến mức thấp nhất làm oan người vô tội.

- Thứ hai là cần thống nhất giữa các CQTHTT về cách hiểu và quan điểm áp dụng thống nhất pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cướp tài sản. Thực tế khi có sự phối hợp nhịp nhàng giữa cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án trong việc thu thập, kiểm tra, đánh giá và sử dụng chứng cứ thì việc áp dụng pháp luật được thống nhất và giải quyết vụ án được nhanh chóng, chính xác đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không làm oan người vô tội.

- Thứ ba: cần xây dựng quy chế phối hợp, trao đổi thông tin về kết quả điều tra, xử lý tội phạm trong đó có tội cướp tài sản giữa Tòa án, VKS và CQĐT, định kỳ họp trao đổi, thống nhất những vấn đề còn có ý kiến khác nhau về đánh giá chứng cứ và quyết định hình phạt, nhằm đảm bảo giải quyết tốt vụ án, tránh tình trạng trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung nhiều lần giữa các CQTHTT, dẫn tới kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Ngoài ra, VKSND cần phối hợp với Tòa án tăng cường xét xử lưu động các vụ án cướp tài sản tại các khu vực dân cư để nâng cao tác dụng giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật trong nhân dân.

Ngoài ra cũng cần có giải pháp nâng cao năng lực người tiến hành tố tụng, để người tiến hành tố tụng tích lũy kinh nghiệm nghề nghiệp trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử. Các cơ quan liên ngành và mỗi cơ quan tiến hành tố tụng cần thường xuyên trao đổi rút kinh nghiệm chuyên môn, nghiệp vụ để mỗi người tiến hành tố tụng có thể có thêm kinh nghiệm công tác của mình thông qua trao đổi, trải nghiệm của những người tiến hành tố tụng khác; thế hệ người có thâm niên, kinh nghiệm công tác “truyền nghề” cho các thế hệ sau... Xây dựng, rèn luyện tạo ra được bản lĩnh nghề nghiệp của đội ngũ người tiến hành tố tụng cũng có ý nghĩa quan trọng trong ADHP nói chung, ADHP về tội cướp tài sản nói riêng. Để đảm bảo áp dụng pháp luật đúng đắn, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân phải có bản lĩnh vượt qua được những sức ép từ bên ngoài cũng như trong hệ thống, độc lập thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật; vượt qua được những cám dỗ của cuộc sống liên quan đến nghề nghiệp để vô tư, khách quan trong điều tra, truy tố, xét xử.

Kết luận, kiến nghị chương 3

Kết luận

Trong những năm qua, việc nghiên cứu các giải pháp để nâng cao chất lượng xét xử của Tòa án đã đạt được những thành tựu đáng kể. Kế thừa những kết quả nghiên cứu đó, các nội dung nghiên cứu trong chương này đóng góp xây dựng làm phong phú thêm các vấn đề lý luận và thực tiễn về ADHP. Từ những luận giải đã được trình bày, có thể khái quát một số luận điểm như sau:

Thứ nhất: Nghiên cứu về yêu cầu và giải pháp bảo đảm ADHP đúng cần có cách tiếp cận hệ thống, tổng quát. Mỗi cách tiếp cận có những ý nghĩa, giá trị lý luận và thực tiễn khác nhau để xác định chính xác những yêu cầu, những giải pháp thực hiện các yêu cầu đó trong hoạt động xét xử.

Thứ hai: Yêu cầu bảo đảm ADHP đúng xuất phát từ lý luận về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thể hiện quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về chính sách hình sự, mục đích là nhằm bảo vệ tốt nhất quyền con người, quyền công dân trong tiến trình cải cách tư pháp hiện nay.

Thứ ba: Nghiên cứu các yếu tố tác động bảo đảm ADHP đúng như chất lượng pháp luật, năng lực người ADHP, tính độc lập khi xét xử của Thẩm phán và Hội thẩm, các hoạt động điều tra, truy tố, chất lượng án lệ, dư luận xã hội và bảo đảm quyền lợi, chế độ cho Thẩm phán, Hội thẩm để xác định những giải pháp về hoàn thiện một số quy định pháp luật hình sự.

Thứ tư: Trong xét xử, khi ADHP Tòa án phải xem xét, cân nhắc tính hiệu quả của việc thực hiện các chính sách hình sự đối với người phạm tội, tính khả thi của việc chấp hành hình phạt đã tuyên. Luôn phải bảo đảm tính quyết định xã hội của hình phạt trong ADHP và hội nhập quốc tế.

Thứ năm: Xuất phát từ kết quả nghiên cứu về những hạn chế, bất cập trong thực tiễn xét xử và các yêu cầu bảo đảm ADHP đúng của Tòa án, đề luận giải và có những đề xuất, kiến nghị các giải pháp khoa học, sát với thực tiễn nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả ADHP của Tòa án trong công cuộc cải cách tư pháp hiện nay của nước ta.

Kiến nghị

Trên cơ sở những kết quả nghiên cứu đạt được trong phần kết luận, tác giả xin mạnh dạn đề xuất một số kiến nghị như sau:

Thứ nhất: kiến nghị với cơ quan lập pháp xem xét và có kế hoạch xây dựng, sửa đổi BLHS năm 2015 đối với tội danh cướp tài sản và các quy định về ADHP làm cơ sở pháp lý giúp HĐXX có thể lựa chọn và quyết định hình phạt phù hợp với tính chất và hành vi của người phạm tội, có một bản án đúng người đúng tội, đủ sức răn đe, giáo dục cộng đồng, không bỏ lọt tội phạm nhưng cũng không làm oan sai người vô tội.

Thứ hai: Kiến nghị với TAND tối cao cần ban hành các văn bản hướng dẫn cách hiểu thống nhất nhiều tình tiết để giúp HĐXX thống nhất trong quá trình áp dụng pháp luật để lựa chọn hình phạt cho phù hợp.

Thứ ba: Kiến nghị với Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng sớm xây dựng và ban hành Nghị quyết hỗ trợ các cơ quan tư pháp trong đó có tòa án để có những khoản kinh phí động viên kịp thời các Thẩm phán, HTND trong quá trình ADHP cho người phạm tội,

Thứ tư: Kiến nghị với TAND thành phố Hải phòng thường xuyên tổ chức các buổi tổng kết, đúc rút kinh nghiệm xét xử, tạo điều kiện cho các cán bộ Tòa án tham gia các khóa học, hội thảo trong và ngoài nước để có thể trau dồi trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng xét xử. Bên cạnh đó, thường xuyên tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp lý và chuyên môn nghiệp vụ cho HTND, đáp ứng nhu cầu biểu quyết, độc lập trong ADHP dành cho người phạm tội.

KẾT LUẬN

ADHP là sự lựa chọn loại hình phạt và xác định mức hình phạt cụ thể trong phạm vi luật định để áp dụng đối với người phạm tội cụ thể. Nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về ADHP đối với tội cướp tài sản có ý nghĩa quan trọng trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn Hải Phòng. Luận văn đã giải quyết tương đối và cơ bản một số vấn đề lý luận và thực tiễn về ADHP đối với tội cướp tài sản. Chương 1 của Luận văn đã làm sáng tỏ những vấn đề lý luận như: khái niệm, các căn cứ ADHP dựa trên những quy định chung về QĐHP và quy định tại điều 168 BLHS năm 2015 về tội cướp tài sản, dựa vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ TNHS, ý nghĩa của QĐHP đối với tội cướp tài sản trên phương diện chính trị, xã hội, thực tiễn và pháp lý. Từ những vấn đề lý luận, trong chương 2 của Luận văn, tác giả đã phân tích các quy định của pháp luật hiện hành về QĐHP đối với tội cướp tài. Ngoài ra các quy định pháp luật về ADHP trong trường hợp đặc biệt như miễn hình phạt, ADHP dưới mức nhẹ nhất của khung, ADHP đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cũng được bình luận phân tích để tìm ra những bất cập còn tồn tại làm cơ sở cho đề xuất giải pháp hoàn thiện tại chương 3. Thực tiễn hoạt động ADHP đối với tội cướp tài sản xảy ra tại địa bàn thành phố Hải Phòng được xem xét một cách toàn diện thông qua số liệu báo cáo thống kê tình hình xét xử các vụ án cướp tài sản và hình phạt được lựa chọn áp dụng đối với các bị cáo phạm tội này trong giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2021. Bên cạnh những kết quả đạt được trong công tác xét xử, ADHP đúng người đúng tội, đáp ứng yêu cầu của đấu tranh chống tội phạm trên địa bàn thành phố Hải Phòng thì vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề bất cập trên thực tiễn QĐHP như chưa nhận thức và vận dụng đúng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, chưa xem xét một cách toàn diện các tình chất mức độ nguy hiểm của hành vi, vai trò của các bị cáo trong đồng phạm tội cướp tài sản... Những tồn tại này là do tồn tại bất cập trong quy định pháp luật về ADHP đối với tội cướp tài sản, những yếu kém về trình độ năng

lực của đội ngũ cán bộ kiểm sát, tòa án, tư pháp trên địa bàn chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa nêu cao được sự phối hợp giữa các CQTHTT và chưa chú trọng công tác tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật trong nhân dân. Trên cơ sở chỉ ra những bất cập, nguyên nhân dẫn đến những tồn tại trên, tại chương 3 tác giả đã đề xuất nhóm giải pháp về hoàn thiện pháp luật và nhóm các giải pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động ADHP. Tin tưởng rằng việc triển khai áp dụng đồng bộ hệ thống các giải pháp đề trên sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động ADHP đối với tội cướp tài sản, đáp ứng yêu cầu phòng ngừa và đấu tranh với tội phạm trong tình hình mới.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc Hội (2015), BLHS năm 2015 sửa đổi 2017
2. Trần Văn Độ - Hoàng Mạnh Hùng (2019), Giáo trình Định tội danh và áp dụng hình phạt, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
3. Chi Cục Dân số kế hoạch hóa gia đình Hải Phòng (2021) “*Báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu dân số-khghđ năm 2021 thành phố Hải Phòng*”,
4. Tổng cục Thống kê. Lưu trữ bản gốc ngày 10 tháng 1 năm 2021. Truy cập ngày 20 tháng 01 năm 2022.
5. Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng (2018), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án.*
6. Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng (2019), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án.*
7. Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng (20120), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án.*
8. Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng (2021), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án.*